



SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 16

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2010 – Tập I

Nội dung

	Trang
Phần I. Một số văn bản Luật được thông qua trong tháng 6 năm 2010	03 – 04
Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong sáu tháng đầu năm 2010	
1. Thuế GTGT	04 - 10
2. Thuế TNDN	10 - 17
3. Thuế TNCN	17 - 21
4. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	21 - 24
5. Xuất nhập khẩu	24 - 28
6. Kế toán - tài chính	28 - 30
7. Lao động, tiền lương	30 - 34
8. Ngân hàng	34 – 37
9. Chứng khoán	37 - 38
10. Đầu tư	39 - 40
11. Xây dựng	40 - 41
12. Các quy định khác	41 – 45
Phần III. Tỷ giá tham khảo trong hạch toán kế toán	
1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2010	46
2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 30/06/2010	47

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC

Viết tắt

CP

Chính phủ

TTCP

Thủ tướng Chính phủ

BTC

Bộ Tài chính

BCT

Bộ Công thương

BLĐTBXH

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

BKHĐT

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

BXD

Bộ Xây dựng

BTTTT

Bộ Thông tin và Truyền thông

BGTVT

Bộ Giao thông vận tải

NHNN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TCT

Tổng Cục thuế

TCHQ

Tổng Cục Hải quan

Thuế GTGT

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNCN

Thuế thu nhập cá nhân

NĐ

Nghị định

TT

Thông Tư

QĐ

Quyết định

CV

Công văn

PHẦN I. MỘT SỐ VĂN BẢN LUẬT ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG THÁNG 6 NĂM 2010

1. Luật trọng tài thương mại

Ngày 17/06/2010, Quốc hội đã thông qua Luật số 54/2010/QH12 về trọng tài thương mại.

Luật này quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài, Trọng tài viên; trình tự, thủ tục trọng tài; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong tố tụng trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động trọng tài; tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, thi hành phán quyết trọng tài.

Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài bao gồm các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại, tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại, tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.

Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài: Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Pháp lệnh Trọng tài thương mại số 08/2003/PL-UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Các thỏa thuận trọng tài được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực được thực hiện theo các quy định của pháp luật tại thời điểm ký thỏa thuận trọng tài.

2. Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Ngày 17/6/2010, Quốc hội đã thông qua Luật số 48/2010/QH12 về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Theo đó, miễn thuế đối với doanh nghiệp sử dụng trên 50% số lao động là thương binh, bệnh binh và giảm 50% số thuế phải nộp đối với doanh nghiệp có từ 20% - 50% số lao động là thương binh, bệnh binh. Đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng không vì mục đích kinh doanh thì không thuộc diện chịu thuế. Đặc biệt, đất có nhà vườn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận là di tích lịch sử - văn hoá cũng sẽ được miễn thuế.

Luật quy định diện tích đất tính thuế là diện tích đất thực tế sử dụng. Trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì diện tích đất tính thuế là tổng diện tích các thửa đất tính thuế. Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp thì diện tích đất tính thuế không bao gồm diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung.

Thuế suất đối với đất được áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần như sau: Diện tích trong hạn mức là 0,03%, phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức là 0,07%, phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức là 0,15%.

Các trường hợp khác như ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư, công trình xây dựng dưới mặt đất, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thì áp dụng mức thuế suất 0,03%. Đối với đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định áp dụng mức thuế suất 0,15%. Trường hợp đất của dự án đầu tư phân kỳ theo đăng ký của nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì không coi là đất chưa sử dụng và áp dụng mức thuế suất 0,03%. Đất lấn, chiếm áp dụng mức thuế suất 0,2% và không áp dụng hạn mức.

Luật quy định rõ việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm.

Trong trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở, hạn mức đất chịu thuế được tính bằng tổng diện tích các thửa đất trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp có một hoặc nhiều thửa đất ở vượt hạn mức thì người nộp thuế được lựa chọn một nơi có thửa đất ở vượt hạn mức để xác định diện tích vượt hạn mức của các thửa đất. Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất của từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tương ứng với nơi có thửa đất.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012 và thay thế Pháp lệnh thuế nhà, đất năm 1992; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thuế nhà, đất

3. Luật các tổ chức tín dụng

Ngày 16/06/2010, Quốc hội đã thông qua Luật số 47/2010/QH12 về các tổ chức tín dụng.

Luật Các tổ chức tín dụng được thông qua gồm 10 chương với 163 điều quy định cụ thể về cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng (TCTD); các quy định chung đối với TCTD là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất...

Theo đó, một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của một TCTD. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một TCTD trừ một số trường hợp.

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát; không được cho vay để góp vốn vào một tổ chức tín dụng khác trên cơ sở nhận tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng nhận góp vốn.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2011 và thay thế Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004.

4. Luật Ngân hàng nhà nước

Ngày 16/06/2010, Quốc hội đã thông qua Luật số 46/2010/QH12 về ngân hàng nhà nước.

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thông qua gồm 7 chương, 66 Điều. Trong đó, bổ sung mới 26 điều, sửa đổi, bổ sung 38 điều, giữ nguyên 5 điều và huỷ bỏ 4 điều trong Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2003.

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 có nhiều nội dung thay đổi so với Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2003 và 1997, đó là:

- Cụ thể hóa được vai trò, vị trí của các cơ quan nhà nước trong việc quyết định và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia trên cơ sở phù hợp Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó thẩm quyền và tính tự chủ của Ngân hàng Nhà nước trong việc chủ động, linh hoạt sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ đã được xác định rõ ràng.
- Xác định rõ được thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước trong việc giám sát an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng thông qua hai hoạt động giám sát và thanh tra, cùng với việc thành lập Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo sự quản lý chặt chẽ hơn đối với hệ thống tổ chức tín dụng.
- Quy định rõ trách nhiệm giải trình, báo cáo của Ngân hàng Nhà nước trước Quốc hội, Chính phủ và công chúng. Đây là nội dung mới, quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng Trung ương nhằm minh bạch hóa, công khai hóa các quyết định trong điều hành của mình không những với cơ quan cấp trên mà còn với công chúng, thị trường.

Ngoài ra, Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 còn có những nội dung quan trọng khác đã được điều chỉnh, sửa đổi so với Luật hiện hành trên nhiều lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, như: lãi suất, kế toán, quan hệ với Kho bạc Nhà nước, dự trữ ngoại hối, kiểm toán nội bộ, quản lý nhà nước đối với Bảo hiểm tiền gửi...

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Ngoài ra, Quốc hội cũng đã thông qua Luật số 49/2010/QH12 về Bưu chính; Luật số 50/2010/QH12 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật số 51/2010/QH12 về người khuyết tật; Luật số 52/2010/QH12 về nuôi con nuôi; Luật số 53/2010/QH12 về thi hành án hình sự; Luật số 55/2010/QH12 về an toàn thực phẩm.

PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2010

THUẾ GTGT

1. Viết hóa đơn có số dòng hàng hóa nhiều hơn 1 trang: Khi bán hàng hoá, dịch vụ, nếu có số mặt hàng hoặc số loại dịch vụ nhiều hơn số dòng ghi hàng hoá của một số hoá đơn, người bán ghi liên tiếp nhiều số hoá đơn. Dòng ghi hàng hoá cuối cùng của số hoá đơn trước ghi cụm từ "tiếp số sau" và dòng ghi hàng hoá đầu số hoá đơn sau ghi cụm từ "tiếp số trước". Các hoá đơn liệt kê đủ các mặt hàng theo thứ tự liên tục từ hoá đơn này đến hoá đơn khác. Thông tin người bán, thông tin người mua, gồm cả chữ ký và con dấu (nếu có) được ghi đầy đủ trên tất cả các hoá đơn trong trường hợp hoá đơn được đóng thành quyển. Trường hợp hoá đơn được in trên giấy liên tục không xé rời thì thông tin người bán, thông tin người mua được ghi đầy đủ ở số hoá đơn đầu tiên. Chữ ký và con dấu (nếu có) được ghi ở số hoá đơn cuối cùng. Giá thanh toán và các khoản thuế GTGT, phụ thu nộp cho nhà nước, chiết khấu bán hàng chỉ được ghi trong hoá đơn cuối cùng và gạch chéo (\) trong các hoá đơn còn lại.

Số của hoá đơn được thống kê cho việc báo cáo là số của hoá đơn đầu liên kết với hai chữ số cuối của hoá đơn sau cùng bằng một gạch ngang (-). Ví dụ một hoá đơn ghi liên tiếp từ số AA 001578 đến số AA 001581 sẽ có số là AA 001578-81.

(CV 8097/BTC-TCT ngày 22/06/2010)

2. **Chính sách thuế đối với ô tô mua từ nội địa:** Trường hợp Công ty mua xe ô tô 10 chỗ từ doanh nghiệp nội địa thì cơ sở sản xuất lắp ráp ô tô trong nước đã thực hiện kê khai, nộp thuế TTĐB ở khâu sản xuất nên khi làm thủ tục hải quan để đưa về DNCX, Công ty không phải kê khai, nộp thuế TTĐB cho cơ quan Hải quan. Chứng từ khi làm thủ tục Hải quan là hoá đơn GTGT do doanh nghiệp trong nước bán cho DNCX. Về thuế GTGT, trường hợp này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%. *(CV số 7664/BTC-TCHQ ngày 15/06/2010)*

3. **Hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế GTGT**

Ngày 17/06/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 92/2010/TT-BTC, hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị; máy móc; phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

Các cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động, cơ sở kinh doanh đang hoạt động có dự án đầu tư thực hiện nhập khẩu thì được lựa chọn áp dụng gia hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu và hoàn thuế GTGT nếu đáp ứng đủ 3 điều kiện: (1) Cơ sở kinh doanh đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư; (2) Tổng giá trị thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng để tạo tài sản cố định từ 200 tỷ đồng trở lên; (3) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT hoặc dự án đầu tư vừa sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, vừa sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Việc gia hạn nộp thuế áp dụng kể từ lô hàng hóa nhập khẩu đầu tiên về cảng mà giá trị chưa đến 200 tỷ đồng. Hàng hóa được thông quan ngay khi cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra thực tế. Việc gia hạn nộp thuế và thông quan hàng hóa không phụ thuộc vào tình trạng nợ các loại thuế khâu nhập khẩu và không cần bảo lãnh của tổ chức tín dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Thông tư số 205/2009/TT-BTC ngày 23/10/2009.

4. **Thuế GTGT đối với nghiệp vụ tư vấn tài chính và dịch vụ xuất khẩu:** Nghiệp vụ tư vấn tài chính không thuộc phạm vi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về thuế GTGT và pháp luật về chứng khoán. Do đó, nghiệp vụ tư vấn tài chính (trong đó có nghiệp vụ tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán) áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

Từ ngày 1/1/2009, trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện cung ứng dịch vụ trực tiếp cho tổ chức ở nước ngoài thì dịch vụ cung ứng được xác định là dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% với điều kiện tổ chức ở nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế GTGT tại Việt Nam (cơ sở thường trú được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế hai lần), không có quy định dịch vụ xuất khẩu cung cấp cho tổ chức ở nước ngoài được áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng điều kiện được tiêu dùng ngoài Việt Nam.

(CV số 2061/TCT-CS ngày 14/06/2010)

5. **Thuế GTGT đối với phí xếp dỡ tại cảng (THC):** Phí xếp dỡ tại cảng có liên quan trực tiếp đến bốc, dỡ, xếp và chuyển hàng tại cảng đi, cảng đến, cảng trung chuyển là khoản phải cộng khi xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu. Trường hợp trong THC đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) phải nộp ở Việt Nam thì được khấu trừ khoản VAT này ra khỏi trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu. *(CV số 7164/BTC-TCHQ ngày 04/06/2010)*

6. **Hoàn thuế GTGT đối với nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp nhà thầu là cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (giấy phép hành nghề), có con dấu theo đúng quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo quy định. *(CV số 1889/TCT-DTL ngày 02/6/2010)*

7. **Bù trừ số tiền nợ thuế GTGT với số tiền thuế GTGT được hoàn:**

Trường hợp người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT, trong đó có đề nghị cơ quan thuế bù trừ số tiền thuế GTGT được hoàn với số tiền thuế GTGT (kể cả phạt chậm nộp) còn nợ trước thời gian đề nghị hoàn thuế chưa nộp NSNN thì cơ quan thuế lập lệnh hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN gửi KBNN có liên quan để thực hiện bù trừ.

Trường hợp người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT nhưng không đề nghị bù trừ số tiền thuế được hoàn với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ NSNN: Qua kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế có các khoản thuế khác còn nợ và có số thuế GTGT còn nợ trước thời gian đề nghị hoàn thuế chưa nộp NSNN thì cơ quan thuế tạm dừng việc hoàn trả và yêu cầu người nộp phải thực hiện nghĩa vụ nộp với NSNN. Hết thời hạn quy định theo thông báo của cơ quan thuế, nếu người nộp chưa thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN (hoặc chưa lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN và ghi rõ nội dung đề nghị bù trừ khoản phải nộp

gửi cơ quan thuế), thì cơ quan thuế lập Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN gửi KBNN nơi trực tiếp hoàn trả để thực hiện bù trừ; đồng thời, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết.

(CV số 6980/BTC-CS ngày 01/6/2010)

8. **Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm làm từ mây, tre...:** Các sản phẩm như bàn, ghế, giỏ, rổ được sản xuất từ nguyên liệu chính là mây, be chuối, sợi giấy đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá (kể cả trường hợp các sản phẩm này được kết hợp với lõi thừng, vành sắt để định hình nhưng không phải là nguyên liệu chính) thì thuộc diện được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. **(CV số 1766/TCT-CS ngày 26/5/2010)**
9. **Hoàn thuế GTGT:** Trường hợp Tổng Công ty điều chuyển nguyên vật liệu cho chi nhánh Tổng công ty, Tổng công ty đã xuất hoá đơn GTGT đầu ra và đã kê khai nộp thuế, đã thanh toán qua ngân hàng cho người bán, Chi nhánh Tổng công ty đã kê khai thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn GTGT này, được kê khai khấu trừ hoàn thuế theo quy định. **(CV 1746/TCT-KK ngày 25/05/2010)**
10. **Thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất:** Các dịch vụ ngoài dịch vụ không được áp dụng thuế suất 0% (cho thuê nhà, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi, dịch vụ vận chuyển đưa đón người lao động, dịch vụ ăn uống) do cơ sở kinh doanh nội địa áp dụng cho các doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng các điều kiện có hợp đồng cung ứng dịch vụ, có chứng từ thanh toán tiền cung cấp dịch vụ qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% **(CV 1702/TCT-CS ngày 24/05/2010)**
11. **Thuế GTGT đối với thẻ cào điện thoại dùng cho mạng viễn thông nước ngoài:** Căn cứ quy định tại điểm 1, Mục II, Phần B, Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26-12-2008 hướng dẫn mức thuế suất thuế GTGT 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trừ các trường hợp không áp dụng thuế suất (0%). Sản phẩm do công ty sản xuất (hoặc in) và xuất khẩu loại thẻ cào điện thoại di động mang mã số, mệnh giá để sử dụng cho mạng viễn thông nước ngoài (không sử dụng cho mạng viễn thông của Việt Nam) thì thẻ cào điện thoại di động này là hàng hóa xuất khẩu được mở tờ khai hải quan và được áp dụng thuế suất thuế GTGT (0%) nếu áp dụng đủ các điều kiện khác theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC nêu trên.

Thẻ cào điện thoại di động mang mã số, mệnh giá sử dụng cho các mạng viễn thông của Việt Nam đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào khu phi thuế quan không thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT (0%) và cơ quan hải quan không mở tờ khai hàng xuất khẩu, tờ khai hàng nhập khẩu đối với loại thẻ này.

(CV số 6559/BTC-CS ngày 24/5/2010)
12. **Hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư mới:** Thông thường, doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT đầu vào nếu trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Tuy nhiên, doanh nghiệp có dự án đầu tư mới đang trong giai đoạn đầu tư sẽ được xét hoàn thuế ngay trong trường hợp sau khi bù trừ giữa thuế GTGT đầu vào cho dự án mới với thuế GTGT của hoạt động đang thực hiện mà vẫn còn từ 200 triệu đồng trở lên **(CV số 1696/TCT-CS ngày 21/05/2010)**.
13. **Áp dụng tỷ lệ GTGT:** Cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán Việt Nam sẽ phải nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu với mức GTGT được xác định như sau: (i) đối với thương mại là 10%; (ii) đối với dịch vụ và hoạt động xây dựng không bao gồm nguyên liệu là 50%; (ii) đối với sản xuất, vận tải, xây dựng có bao thầu vật liệu là 30% **(CV 1575/TCT-CS ngày 11/05/2010)**.
14. **Chế độ sử dụng hóa đơn tự in của đơn vị phụ thuộc:** Các đơn vị phụ thuộc có thể đăng ký sử dụng hóa đơn tự in tại cơ quan thuế địa phương và tự quyết toán tình hình sử dụng hóa đơn. Ngoài ra, các đơn vị này còn được phép sử dụng hết các mẫu hóa đơn tồn do doanh nghiệp cung cấp. Đối với những hóa đơn trên, doanh nghiệp thực hiện quyết toán tình hình sử dụng các mẫu hóa đơn tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở. **(CV số 1533/TCT-CS ngày 07/05/2010)**.
15. **Hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất:** Doanh nghiệp chế xuất không phải là đối tượng nộp thuế, hoàn thuế GTGT. Do đó, nếu đã thanh toán bao gồm cả thuế GTGT thì doanh nghiệp này cũng không được xét hoàn thuế. Theo đó, các bên cần lập biên bản ghi rõ lý do điều chỉnh thuế suất và lập hóa đơn điều chỉnh. Được biết, khi cần điều chỉnh nhiều hóa đơn, các bên chỉ cần lập một hóa đơn điều chỉnh duy nhất kèm theo bảng kê tổng hợp số hóa đơn liên quan **(CV số 1489/TCT-CS ngày 05/05/2010)**.
16. **Xử lý vi phạm về sử dụng hóa đơn:** Theo quy định, doanh nghiệp phải lập hóa đơn và giao cho khách hàng ngay sau khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp doanh nghiệp xuất hóa đơn khi khách hàng thanh toán tiền nhưng ghi ngày trên hóa đơn là ngày giao hàng thì có thể bị phạt tiền đến 7 triệu. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể bị xử phạt thêm về hành vi giả mạo, khai man chứng từ kế toán với mức phạt tiền tối đa là 20 triệu đồng. **(CV số 1488/TCT-CS ngày 05/05/2010)**.
17. **Thuế GTGT đối với tiền ứng trước xây dựng:** Về nguyên tắc, doanh nghiệp xây dựng chưa phải kê khai, nộp thuế GTGT khi nhận tiền ứng trước từ chủ đầu tư mà chỉ thực hiện việc kê khai, nộp thuế này khi bàn giao khối lượng công trình xây dựng hoàn thành. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp xây dựng đã lập hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT đối với tiền ứng trước của chủ đầu tư thì vẫn có thể được kê khai, khấu trừ thuế đầu vào theo quy định **(CV số 1487/TCT-CS ngày 05/05/2010)**.

18. Thuế GTGT đối với việc miễn tiền thuê nhà: Nếu doanh nghiệp cho thuê nhà miễn tiền thuê nhà trong năm đầu tiên và bên thuê phải sửa chữa lại nhà thì thời gian miễn tiền thuê nhà này không phải tính thuế GTGT. Trường hợp doanh nghiệp miễn tiền thuê trong những năm tiếp theo (không phải năm đầu tiên) hoặc bên thuê không phải sửa chữa nhà thì việc miễn tiền thuê nhà trên được coi là dịch vụ cho, tặng khách hàng và doanh nghiệp vẫn phải tính thuế GTGT cho thời gian miễn này. *(CV số 1486/TCT-CS ngày 05/05/2010).*
19. Điều kiện khấu trừ thuế GTGT của hoạt động thầu: Hiện nay, để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, việc thanh toán vẫn phải thực hiện bằng chuyển khoản, kể cả đối với khoản tạm ứng trước. Tuy nhiên, trong thời hạn từ trước ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/3/2009, các bên chỉ cần có chứng từ chứng minh việc nộp tiền mặt hoặc chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của nhà thầu là đủ điều kiện được khấu trừ thuế. *(CV số 1470/TCT-CS ngày 04/05/2010).*
20. Thuế GTGT đối với hoạt động báo chí: Về cơ bản, hoạt động xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách văn bản pháp luật, khoa học kỹ thuật... không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, dịch vụ quảng cáo, đăng tin, bài trên báo không thuộc đối tượng nêu trên và vẫn phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định pháp luật. Được biết, mức thuế suất GTGT áp dụng đối với các dịch vụ quảng cáo, đăng tin, bài trên báo này hiện nay là 10% *(CV số 1364/TCT-CS ngày 22/04/2010).*
21. Giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản mà cơ sở kinh doanh bất động sản có thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, nếu tại thời điểm thu tiền của khách hàng diễn ra trước ngày 01/01/2009 cơ sở kinh doanh bất động sản và khách hàng đã xác định được giá bất động sản kèm theo quyền sử dụng đất (giá bán bất động sản kèm theo quyền sử dụng đất được ghi trong hợp đồng) thì việc kê khai nộp thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 6992/BTC-TCT ngày 18/5/2009 của Bộ Tài chính.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản mà cơ sở kinh doanh bất động sản có thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, nếu tại thời điểm thu tiền của khách hàng diễn ra trước ngày 01/01/2009 cơ sở kinh doanh bất động sản và khách hàng chưa xác định được giá bất động sản kèm theo quyền sử dụng đất trong hợp đồng (hợp đồng không ghi giá bất động sản kèm theo quyền sử dụng đất) mà giá bán được xác định từ ngày 01/01/2009 trở đi thì việc kê khai nộp thuế GTGT và xác định giá tính thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 10383/BTC-TCT ngày 22/7/2009 của BTC *(CV số 1343/TCT-CS ngày 21/4/2010).*
22. Thuế GTGT đối với thực phẩm tươi sống: Thực phẩm tươi sống thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% là các loại thực phẩm chưa được làm chín hoặc chế biến thành sản phẩm khác, chỉ sơ chế dưới dạng làm sạch, bóc vỏ, cắt lát, đông lạnh, phơi khô mà qua sơ chế vẫn còn là thực phẩm tươi sống. Nếu thực phẩm tươi sống qua chế biến trở thành sản phẩm khác (như sấy khô, tẩm gia vị...) thì không được coi là thực phẩm tươi sống và thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10% *(CV số 1328/TCT-CS ngày 21/04/2010).*
23. Hoàn thuế GTGT khi giải thể doanh nghiệp: Trong trường hợp doanh nghiệp giải thể còn có số thuế GTGT chưa khấu trừ hết và số thuế GTGT, tiền phạt bị truy thu, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục hoàn thuế và bù trừ thuế. Được biết, theo thủ tục này, doanh nghiệp phải lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách Nhà nước ghi rõ nội dung bù trừ thuế gửi cơ quan thu nơi hoàn trả *(CV số 1324/TCT-KK ngày 21/04/2010).*
24. Khấu trừ thuế GTGT hàng thủy sản: Cơ sở nuôi trồng chế biến thủy sản được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của sản phẩm thủy sản bán ra thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của sản phẩm thủy sản bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp doanh nghiệp là cơ sở nuôi trồng và chế biến thủy sản có thu hoạch cá nhưng không trực tiếp chế biến mà thuê doanh nghiệp khác chế biến thì doanh nghiệp được kê khai thuế GTGT đầu vào của sản phẩm thủy sản bán ra thuộc đối tượng chịu thuế GTGT *(CV số 1323/TCT-KK ngày 20/4/2010).*
25. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng khi mua bất động sản: Doanh nghiệp mua toàn bộ một vài tầng lầu của Tòa nhà rồi cho đơn vị khác thuê lại để kinh doanh được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào của diện tích đã mua. Được biết, trong trường hợp thuộc đối tượng tại Phần C Thông tư số 129/2008/TT-BTC, doanh nghiệp có thể được hoàn thuế *(CV số 1317/TCT-CS ngày 20/04/2010).*
26. Thuế GTGT dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất: Các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh, tiêu dùng tại doanh nghiệp chế xuất được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thuê lại đất và thuê sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp để đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu thì dịch vụ thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng trong khu CN được áp dụng thuế suất 0% *(CV số 1300/TCT-CS ngày 20/4/2010).*
27. Thuế GTGT đối với gia công sản phẩm cơ khí: Về nguyên tắc, thuế GTGT đối với từng hàng hóa, dịch vụ được áp dụng thống nhất ở tất cả các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại. Theo đó, doanh nghiệp gia công sản phẩm cơ khí thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% và đã bàn giao sản phẩm trước ngày 01/01/2009 thì công đoạn gia công này cũng được áp dụng thuế GTGT 5% theo thuế suất của sản phẩm cuối cùng. Lưu ý, từ ngày 01/01/2009, thuế GTGT áp dụng đối với máy móc thiết bị, sản phẩm cơ khí nêu trên (trừ máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, y tế) là 10%, chứ không phải 5% như trước đây *(CV số 1278/TCT-CS ngày 19/04/2010)*

28. Xử lý thuế đối với trường hợp chậm phát hành hóa đơn: Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho Công ty phải sử dụng hóa đơn GTGT. Hóa đơn phải được lập ngay khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hóa dịch vụ cho công ty không lập hóa đơn tại thời điểm cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhưng sau đó có lập hóa đơn GTGT, có kê khai nộp thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa dịch vụ xuất bán cho công ty, thì sẽ được giải quyết như sau:
- Bên bán bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế hoặc xử phạt vi phạm quy định về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn đối với hành vi bán hàng hóa tại thời điểm cung cấp hàng hóa. Thời điểm để xác định giá tính thuế của bên bán là thời điểm bên bán chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa, dịch vụ có liên quan cho bên mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.
 - Công ty (bên mua) được khấu trừ thuế GTGT đầu vào căn cứ theo thời gian ghi trên hóa đơn do cơ sở kinh doanh bán hàng xuất cho đơn vị mua hàng với thời gian kê khai khấu trừ tối đa không là 3 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh hóa đơn GTGT của bên bán. Từ ngày 01/01/2009, thời gian kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là 06 tháng, kể từ tháng phát sinh hóa đơn GTGT. **(CV số 1276/TCT-KK ngày 19/4/2010).**
29. Hoàn thuế GTGT dự án ODA: Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA bao gồm:
- Văn bản đề nghị đề nghị hoàn thuế nêu rõ lý do hoàn thuế, số thuế đề nghị hoàn, thời gian phát sinh số thuế đề nghị hoàn theo Mẫu 01/HTBT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC.
 - Bảng kê khai thuế đầu vào được hoàn;
 - Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào Mẫu số 01-2/GTGT;
 - Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi Ngân sách Nhà nước cấp phát. Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu;
 - Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn hay ODA được ngân sách Nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT. Tài liệu này chỉ nộp với hồ sơ hoàn thuế lần đầu **(CV số 1257/TCT-CS ngày 16/4/2010).**
30. Thuế GTGT đối với tiền bồi thường về đất: Các khoản bồi thường được nhận về đất, hỗ trợ về đất, tái định cư do bị thu hồi đất thì không phải kê khai, nộp thuế GTGT. Đối với khoản đền bù về TSCĐ trên đất do bị thu hồi đất theo quy hoạch thì phải kê khai nộp thuế GTGT **(CV số 1255/TCT-CS ngày 16/4/2010).**
31. Trách nhiệm đối với vi phạm trước khi cổ phần hóa: Về nguyên tắc, các doanh nghiệp được cổ phần hóa từ DNNN sẽ phải kế thừa mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp bị chuyển đổi. Do đó, công ty cổ phần được thành lập sau khi cổ phần hóa phải chịu trách nhiệm đối với mọi vi phạm về hóa đơn và thuế phát sinh trong giai đoạn trước còn thời hiệu xử lý **(CV số 1248/TCT-CS ngày 16/04/2010).**
32. Điều kiện thanh toán qua Ngân hàng: Hiện nay, các hóa đơn mua vào có giá trị từ trên 20 triệu VND phát sinh trong thời gian từ tháng 1/2009 đến hết tháng 3/2009 có chứng từ chứng minh đã nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán được coi là đủ điều kiện thanh toán qua ngân hàng và được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Được biết, trong một số trường hợp cá biệt, các hóa đơn GTGT phát sinh sau cũng có thể được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định trên nếu việc ứng tiền hàng bằng séc tiền mặt cho bên bán được thực hiện trước ngày 31/3/2009 (số tiền ứng trước chiếm phần lớn giá trị thanh toán **(CV số 1237/TCT-CS ngày 15/04/2010).**
33. Thuế GTGT đối với dịch vụ đại lý bán: Người nộp thuế là đại lý bán của dịch vụ bưu điện, xổ số, bán vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy hoặc bán bảo hiểm theo đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng thì không phải kê khai doanh thu dịch vụ nhận bán đại lý và không phải kê khai thuế GTGT đối với khoản hoa hồng đại lý được hưởng **(CV số 1084/TCT-CS ngày 5/4/2010).**
34. Thuế GTGT đối với tiền ăn của học viên: Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc kịch, xiếc, thể dục thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Trường hợp các cơ sở dạy học các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông có thu tiền ăn thì tiền ăn cũng không thuộc đối tượng chịu thuế. **(CV số 720/TCT-CS ngày 9/03/2010).**
35. Thuế GTGT đối với hoạt động bơm bê tông: Trường hợp doanh nghiệp bán bê tông thương phẩm cho khách hàng thì từ ngày 01/01/2009, bê tông thương phẩm áp dụng thuế suất 10% và thuộc diện giảm 50% mức thuế suất GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Trường hợp doanh nghiệp cho thuê xe chuyên dụng bao gồm thuê xe chuyên dụng có người điều khiển và hệ thống bơm; nhiên liệu bên cho thuê cung cấp; xe chuyên dụng phải di chuyển đến trạm trộn của bên thuê, vận chuyển bê tông thương phẩm đến chân công trình và bơm bê tông lên công trình theo chỉ định của bên thuê thì doanh thu thu được (không bao gồm giá trị bê tông) được coi là doanh thu vận tải, từ ngày 01/01/2009 áp dụng thuế suất 10% và thuộc diện giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ 1/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Trường hợp doanh nghiệp chỉ cho thuê xe chuyên dụng, không có người điều khiển thì hoạt động cho thuê phương tiện nêu trên áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%. **(CV số 881/TCT-CS ngày 23/03/2010).**

36. **Khấu trừ, hoàn thuế GTGT hàng hóa bán vào khu phi thuế quan:** Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, do đó các hàng hóa mua vào của doanh nghiệp chế xuất nếu có hóa đơn có thuế GTGT thì thuế GTGT trên các hóa đơn này không được khấu trừ, hoàn thuế. Trường hợp các cơ sở kinh doanh nội địa cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất đã tính thuế GTGT theo mức thuế suất thuế GTGT là 5% hay 10% cho các dịch vụ được áp dụng mức thuế suất là 0% theo quy định thì doanh nghiệp chế xuất và cơ sở kinh doanh nghiệp thực điều chỉnh theo quy định **(CV số 904/TCT-KK ngày 24/03/2010).**
37. **Khấu trừ thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Trường hợp mua hàng hóa để xuất khẩu nhưng người bán hàng hóa không lập hóa đơn ngay khi giao hàng (khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa) mà sau khi hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài rồi thì người bán mới lập hóa đơn GTGT giao cho doanh nghiệp xuất khẩu thì doanh nghiệp xuất khẩu không được khấu trừ thuế GTGT của hóa đơn do người bán xuất cho mà phải tính vào chi phí xuất hàng hóa **(CV số 626/TCT-CS ngày 27/02/2010).**
38. **Giá tính thuế GTGT đối với chuyển nhượng đất:** Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản thì giá đất thực tế tại thời điểm chuyển nhượng không chịu thuế GTGT. Do vậy trường hợp trong giá đất được trừ khỏi giá tính thuế GTGT đối với kinh doanh bất động sản có thuế GTGT đầu vào thì cơ sở kinh doanh bất động sản không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của chi phí liên quan đến giá đất thực tế chuyển nhượng. Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản đã kê khai khấu trừ phần thuế GTGT đầu vào của các chi phí liên quan đến giá đất thực tế chuyển nhượng thì cơ sở kinh doanh phải điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ tương ứng với giá đất thực tế chuyển nhượng không chịu thuế GTGT **(CV số 585/TCT-CS ngày 25/02/2010).**
39. **Áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ hàng hải:** Dịch vụ của ngành hàng hải thực hiện tại khu vực cảng được áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Có hợp đồng cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài, đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung cấp dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;
 - Có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của tổ chức ở nước ngoài hoặc có hoặc có chứng từ thanh toán qua ngân hàng của người đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ hoặc các hình thức khác được xem là thanh toán qua ngân hàng;

Các dịch vụ của ngành hàng hải được áp dụng thuế suất 0% bao gồm: dịch vụ lai dắt tàu biển, hoa tiêu hàng hải, cứu hộ hàng hải, cầu cảng, bến phao, bốc xếp, buộc cởi dây, đóng mở nắp hầm hàng, vệ sinh hầm tàu, kiểm đếm, giao nhận **(CV số 583/TCT-CS ngày 25/02/2010).**

40. **Khấu trừ thuế GTGT:** Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ. Trường hợp doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh và đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng từ khi thành lập đến khi giải thể, doanh nghiệp chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mà chỉ phát sinh số thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi phí quảng cáo, tiếp khách thì sẽ không được xét hoàn thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi phí nêu trên **(CV số 582/TCT-CS ngày 25/02/2010).**
41. **Thuế GTGT đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán:** Trường hợp công ty chứng khoán được phép thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán để hưởng tiền chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng chứng khoán và giá trị thanh toán cho khách hàng (giá chuyển nhượng) thì khoản doanh thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%. Giá tính thuế GTGT là khoản doanh thu chưa có thuế của hoạt động này **(CV số 590/TCT-CS ngày 25/02/2010).**
42. **Giá tính thuế GTGT:** Hàng hóa dịch vụ tiêu dùng nội bộ là hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh sản xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng của cơ sở kinh doanh, không bao gồm hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh của cơ sở. Hàng hóa luân chuyển nội bộ như xuất hàng hóa để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất kinh doanh không phải tính, nộp thuế GTGT.

Trường hợp tài sản cố định của doanh nghiệp là công trình xây dựng do doanh nghiệp tự xây dựng bao gồm cả nguyên, nhiên vật liệu được xuất ra từ kho của doanh nghiệp thì khi quyết toán công trình đưa vào sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp không phải xuất hóa đơn GTGT; giá quyết toán công trình xây dựng, lắp đặt không bao gồm thuế GTGT khi đưa vào sử dụng làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản cố định để thực hiện trích khấu hao **(CV số 454/TCT-CS ngày 08/02/2010).**

43. **Hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Đối với lô hàng xuất khẩu bị khách hàng nước ngoài trả lại do lỗi thuộc về doanh nghiệp xuất khẩu thì doanh nghiệp không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào; nếu doanh nghiệp tiếp tục xuất khẩu hàng bị trả lại cho phía nước ngoài hoặc bán trong nước thì sẽ được kê khai, hoàn thuế theo chế độ quy định. Doanh nghiệp không được tính số tiền phạt vi phạm hợp đồng phải trả cho bên đối tác vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN, mà chỉ được bù trừ với tổng số tiền phạt, tiền bồi

thường doanh nghiệp nhận được từ các bên đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật để xác định thu nhập khác chịu thuế TNDN.

Đối với lô hàng xuất khẩu tiếp theo đã được phía nước ngoài thanh toán, doanh nghiệp được khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định nếu có đầy đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế và đáp ứng được các điều kiện, thủ tục về khấu trừ thuế đối với hàng xuất khẩu. Trường hợp doanh thu của lô hàng xuất khẩu này bị phía nước ngoài cản trở một phần để thanh toán tiền phạt (của lô hàng xuất khẩu bị trả lại) nêu trên thì doanh nghiệp vẫn được hạch toán doanh thu xuất khẩu tương ứng doanh thu xuất khẩu chưa cản trở tiền phạt, và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào của toàn bộ lô hàng xuất khẩu đã được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng (*CV số 443/TCT-KK ngày 08/02/2010*).

44. **Hóa đơn thuế GTGT:** Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hóa đơn GTGT. Khi lập hóa đơn cơ sở kinh doanh phải khi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn. Đối với hóa đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu và chi phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế; nếu không ghi tách riêng giá bán chưa có thuế và thuế GTGT, chỉ ghi chung giá thanh toán thì thuế GTGT đầu ra phải tính trên giá thanh toán trừ trường hợp sử dụng chứng từ đặc thù.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện chiết khấu thương mại dành cho khách hàng thì trên hóa đơn có thể ghi tỷ lệ phần trăm (%) chiết khấu và số tiền chiết khấu, giá tính thuế GTGT là giá đã chiết khấu, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế (*CV số 430/TCT-CS ngày 05/02/2010*).

45. **Chính sách thuế GTGT:** Cơ sở kinh doanh đã xuất bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ và lập hóa đơn do hàng hóa, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, quy cách, kiểu dáng hoặc ghi sai thuế suất phải điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán, điều chỉnh thuế suất thuế GTGT thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hóa, mức giá tăng (giảm) theo hóa đơn bán hàng (số ký hiệu, ngày, tháng của hóa đơn, thời gian), lý do tăng (giảm) giá, lý do điều chỉnh thuế suất đồng thời bên bán lập hóa đơn điều chỉnh mức giá điều chỉnh. Hóa đơn ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán, (không được ghi số âm (-)), thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ tại hóa đơn số, ký hiệu...Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.

Trường hợp các cơ sở kinh doanh nội địa cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất đã tính thuế GTGT theo mức thuế suất thuế GTGT 5% hay 10% cho các dịch vụ được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% theo quy định thì doanh nghiệp chế xuất và cơ sở kinh doanh nội địa thực hiện điều chỉnh theo quy định nêu trên (*CV số 428/TCT-CS ngày 05/02/2010*).

46. **Thuế GTGT dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất:** Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được tiêu dùng bên ngoài doanh nghiệp chế xuất không được áp dụng thuế suất 0%. Như vậy, các dịch vụ do cơ sở kinh doanh nội địa cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được tiêu dùng ở bên ngoài doanh nghiệp chế xuất bao gồm cho thuê nhà, đất, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi, xây dựng nhà cho người lao động, dịch vụ vận chuyển, đưa đón người lao động không áp dụng thuế suất 0%.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa cung cấp các dịch vụ nêu trên để tiêu dùng bên ngoài doanh nghiệp chế xuất nếu đã áp dụng thuế suất 0% thì phải điều chỉnh lại và không bị xử phạt chậm nộp (*CV số 359/TCT-CS ngày 01/02/2010*).

47. **Thuế GTGT hàng xuất khẩu mẫu biên:** Trường hợp doanh nghiệp thực tế có hàng xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu mẫu biên, có hợp đồng xuất khẩu, có hóa đơn GTGT bán hàng hóa, tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu có xác nhận đã xuất khẩu của cơ quan hải quan nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng thuế GTGT đầu vào của lô hàng xuất khẩu không được khấu trừ (*CV số 315/TCT-CS ngày 27/01/2010*).

48. **Khoản trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào:** Hàng hóa, dịch vụ mua vào có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên trong thời gian từ 01/01/2009 đến hết ngày 31/3/2010 có chứng từ chứng minh việc nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán hoặc chứng từ chuyển tiền vào tài khoản bên bán được kê khai khấu trừ thuế hoàn thuế GTGT.

Từ ngày 01/04/2010 trở đi các trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thực hiện theo quy định hiện hành (*CV số 301/TCT-CS ngày 26/01/2010*).

49. **Kê khai khấu trừ bổ sung các hóa đơn phát sinh trong năm 2008:** Việc kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với các hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong các tháng cuối năm 2008 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính. Theo đó trường hợp cơ sở kinh doanh chưa kịp kê khai hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ trong tháng phát sinh hóa đơn thì cơ sở kinh doanh được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, nhưng tối đa là 3 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh hóa đơn.

Việc kê khai khấu trừ bổ sung theo quy định tại Thông tư số 129/2009/TT-BTC áp dụng đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ ngày 01/01/2009 trở đi (*CV số 143/TCT-CS ngày 14/01/2010*).

THUẾ TNDN

1. Hàng hoá hết hạn sử dụng, lỗi thời: Theo quy định, giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng không được bồi thường được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trường hợp, các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh có hàng hoá hết hạn sử dụng, lỗi thời,... không tiêu thụ được phải huỷ bỏ không phải là sự kiện xảy ra một cách khách quan, trong quá trình hoạt động kinh doanh thì việc hàng hoá hết hạn sử dụng lỗi thời... doanh nghiệp có thể lường trước được

Do đó, giá trị hàng hoá hết hạn sử dụng, lỗi thời,... không tiêu thụ được phải huỷ bỏ nêu trên không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

(CV số 2009/TCT-PC ngày 10/06/2010)

2. Thuế TNDN trong thời kỳ miễn thuế, giảm thuế: Trường hợp Công ty được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế kiểm tra và đã phát hiện đăng số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời kỳ miễn thuế, giảm thuế thì cơ sở kinh doanh không được hưởng miễn thuế, giảm thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phát hiện tăng thêm.

(CV số 1985/TCT-CS ngày 08/06/2010)

3. Hướng dẫn bổ sung về thuế TNDN: Ngày 07/06/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 7520/BTC-BTC hướng dẫn bổ sung một số nội dung liên quan đến quyết toán thuế TNDN năm 2009.

Về xác định các khoản thu nhập khác

Đối với các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn: khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn phát sinh và khoản chi phí trả lãi tiền vay theo quy định, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại tính vào thu nhập khác hoặc chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định

Đối với các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá:

+ Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trực tiếp từ doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh tương ứng.

+ Khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được bù trừ với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 177/2009/TT-BTC ngày 10/9/2009 và được bù trừ theo nguyên tắc hướng dẫn nêu trên.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản đang trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định; Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008.

Đối với các khoản thu nhập từ thanh lý tài sản, thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm

+ Thu nhập từ thanh lý tài sản được xác định bằng (=) doanh thu thu được do chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản trừ (-) giá trị còn lại của tài sản chuyển nhượng, thanh lý ghi trên sổ sách kế toán tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí được trừ liên quan đến việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập từ thanh lý tài sản không liên quan trực tiếp đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu đãi thì doanh nghiệp phải nộp thuế TNDN đối với khoản thu nhập này theo mức quy định, không được áp dụng ưu đãi.

+ Thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm được xác định bằng (=) doanh thu bán phế liệu, phế phẩm trừ (-) chi phí thu hồi và chi phí tiêu thụ. Trường hợp phát sinh các khoản thu từ bán phế liệu, phế phẩm mà không liên quan trực tiếp lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu đãi thì doanh nghiệp phải nộp thuế TNDN đối với khoản thu nhập này theo mức quy định, không được áp dụng ưu đãi.

Về hoàn nhập các khoản dự phòng được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

Về bù trừ lãi lỗ giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh: Đối với các doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, thu nhập khác của các hoạt động kinh doanh (không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động có thu nhập do doanh nghiệp lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN theo mức thuế suất của hoạt động còn thu nhập.

Về trích lập quỹ dự phòng tiền lương: Việc trích lập dự phòng theo quy định phải đảm bảo nguyên tắc số tiền trích lập dự phòng và tổng số tiền lương, tiền công thực tế đã chi trả đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán không vượt quá tổng tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động theo định mức tiền lương đã được duyệt (nếu có).

Đối với phần trích lập dự phòng tiền lương của năm trước nhưng đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của năm nay doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết thì doanh nghiệp phải hoàn nhập và ghi giảm chi phí của năm nay.

Về chi tiền học phí: Trường hợp hợp đồng lao động của doanh nghiệp ký kết với lao động là người nước ngoài có ghi khoản chi phí về tiền học cho con học tại Việt Nam theo bậc học phổ thông được người sử dụng lao động trả có tính chất là tiền lương, tiền công, nếu khoản chi này không trái với các quy định của pháp luật về tiền lương, tiền công và có đầy đủ chứng từ theo quy định thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Về chi trang phục: Trường hợp Doanh nghiệp có chi trang phục bằng cả tiền và hiện vật cho người lao động thì mức chi tối đa để tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế không vượt quá 1.500.000 đồng/người/năm trong đó khoản chi trang phục bằng tiền không vượt quá 1.000.000 đồng/người/năm

Về trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Hàng năm doanh nghiệp được trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với mức trích từ 1% - 3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Khoản trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ của doanh nghiệp; số dư lũy kế của quỹ không bị khống chế

Ngoài ra, Công văn còn hướng dẫn các nội dung liên quan đến chuyển lỗ, xác định doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư để hưởng ưu đãi thuế, về xử lý số thuế TNDN khi quyết toán thuế so với số thuế TNDN được giảm gia hạn kê khai tạm nộp quý

4. **Thuế thu nhập doanh nghiệp khi nhân chuyển nhượng dự án:** Hiện nay, chưa có hướng dẫn chính thức về việc xác định mức ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. Tuy nhiên, nếu bản chất của hoạt động chuyển nhượng là thành lập doanh nghiệp mới do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp mới sẽ được kế thừa các ưu đãi cho thời gian còn lại khi vẫn đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi (**CV số 1690/TCT-CS ngày 21/05/2010**).
5. **Thời điểm xác định lỗ và chuyển lỗ của doanh nghiệp:** Sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ doanh nghiệp tự xác định số lỗ của năm quyết toán thuế và được chuyển số lỗ này trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Quá thời gian chuyển lỗ này, nếu số lỗ phát sinh chưa bù trừ hết thì doanh nghiệp sẽ không được giảm trừ tiếp vào thu nhập của các năm tiếp sau. (**CV số 1534/TCT-CS ngày 07/05/2010**).
6. **Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho công ty con:** Trong trường hợp được thành lập trên cơ sở chia, tách Công ty mẹ hoặc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, công ty con sẽ không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện thành lập mới nhưng có thể tiếp tục được hưởng ưu đãi theo mức đã ghi nhận trước khi chuyển đổi cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại. Ngược lại, công ty con có thể được ưu đãi thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập tùy theo điều kiện đáp ứng (**CV số 1465/TCT-TNDN ngày 04/05/2010**).
7. **Thời hạn của kỳ tính thuế được hưởng ưu đãi:** Năm hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế của doanh nghiệp là kỳ tính thuế 12 tháng. Do đó, trường hợp năm hưởng ưu đãi thuế đầu tiên của doanh nghiệp dưới 3 tháng và được đăng ký cộng gộp vào năm tiếp theo để thành một kỳ tính thuế duy nhất, doanh nghiệp sẽ phải kê khai nộp thuế cho năm dưới 3 tháng và chỉ được miễn, giảm thuế cho năm tiếp theo (đủ 12 tháng). (**CV số 1382/TCT-CS ngày 26/4/2010**).
8. **Ưu đãi thuế đối với hoạt động dệt may:** Ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về sử dụng nguyên liệu trong nước, đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu của hoạt động dệt may đã chính thức bị bãi bỏ từ năm 2007. Được biết, các doanh nghiệp có ưu đãi thuế bị bãi bỏ nêu trên có thể xin áp dụng ưu đãi theo một trong hai phương án sau: (i) ưu đãi theo pháp luật tại thời điểm thành lập doanh nghiệp; hoặc (ii) ưu đãi theo pháp luật tại thời điểm điều chỉnh do cam kết WTO theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP. (**CV số 1361/TCT-CS ngày 22/04/2010**).
9. **Chính sách thuế TNDN:** Theo quy định tại Luật thuế TNDN, thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu của khoản nợ khó đòi đã xóa nợ đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Việt Nam. Căn cứ quy định nêu trên thì thu từ kinh doanh ngoại tệ, lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ; thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn; hoàn nhập các khoản dự phòng được tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (**CV số 1388/TCT-CS ngày 26/4/2010**).
10. **Miễn, giảm thuế đối với kỳ tính thuế đầu tiên:** Năm miễn, giảm thuế được xác định phù hợp với kỳ tính thuế. Thời điểm bắt đầu tính thời gian miễn giảm thuế tính liên tục kể từ kỳ tính thuế đầu tiên doanh nghiệp bắt đầu

có thu nhập chịu thuế (chưa trừ số lỗ các kỳ tính thuế trước chuyển sang). Trường hợp, kỳ tính thuế đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng thì doanh nghiệp có quyền đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc tính từ kỳ tính thuế tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thời gian miễn giảm thuế vào kỳ tính thuế tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của kỳ tính thuế đầu tiên để nộp vào Ngân sách nhà nước. **(CV số 1382/TCT-CS ngày 26/4/2010).**

11. **Điều kiện hưởng ưu đãi thuế TNDN:** Hiện nay, ưu đãi thuế TNDN chỉ được áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế TNDN theo kê khai. Do đó, để được hưởng ưu đãi thuế TNDN, các cơ sở ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP phải đăng ký lại với cơ quan thuế theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP và phải nộp báo cáo quyết toán thuế TNDN hàng năm **(CV số 1316/TCT-CS ngày 20/04/2010)**
12. **Căn cứ lựa chọn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:** DNNN cổ phần hóa theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP được hưởng ưu đãi thuế TNDN như trường hợp thành lập mới mà không cần làm thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi. Được biết, trong trường hợp đáp ứng nhiều điều kiện hưởng ưu đãi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày 21/3/2007, các doanh nghiệp này được lựa chọn phương án có lợi nhất nhưng phải thông báo với cơ quan thuế. **(CV số 1274/TCT-CS ngày 19/04/2010)**
13. **Chi phí hợp lý, hợp lệ:** Các khoản chi không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định hoặc hóa đơn chứng từ không hợp pháp; các khoản chi không liên quan đến việc tạo ra doanh thu, thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế sẽ không được tính vào chi phí hợp lý. Trường hợp các chi phí liên quan đến hoạt động nghiên cứu, đánh giá mức độ khả thi của dự án, khảo sát địa chất, đánh giá tác động của môi trường của dự án trước đây đến nay không được tiếp tục triển khai thì các khoản chi phí này không được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp và cũng không được coi là tổn thất, sau khi trừ giá trị thanh lý thu hồi được thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp **(CV số 720 TCT-CS ngày 9/3/2010).**
14. **Xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản:** Ngày 23/3/2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 40/2010/TT-BTC hướng dẫn việc xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản.

Theo đó, việc xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ để góp vốn, để điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được thực hiện như sau:

Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ để góp vốn được phân bổ dần vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN tại doanh nghiệp có tài sản đánh giá lại đem góp vốn, việc phân bổ dần được tính theo số năm còn lại được trích khấu hao của TSCĐ tại doanh nghiệp nhận vốn góp;

Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ để điều chuyển tài sản khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp tính một lần vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN tại doanh nghiệp có tài sản đánh giá lại để điều chuyển.

Ngoài ra, Thông tư 40 cũng hướng dẫn cụ thể việc xử lý chênh lệch do đánh giá lại quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất lâu dài như sau:

Đối với chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, trường hợp bên nhận quyền sử dụng đất được trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất theo chế độ quy định thì khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất phải tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN;

Đối với chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất lâu dài để góp vốn, trường hợp bên nhận quyền sử dụng đất có đưa giá trị quyền sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không được trích khấu hao theo chế độ quy định thì phần chênh lệch này tạm thời chưa tính thuế TNDN. Trường hợp sau khi góp vốn, doanh nghiệp lại tiếp tục mang quyền sử dụng đất đi góp vốn cho đơn vị khác thì đơn vị nhận vốn góp phải kê khai phải kê khai và nộp thuế TNDN.

Đối với chênh lệch do đánh giá lại quyền sử dụng đất để góp vốn vào các dự án đầu tư xây dựng nhà, hạ tầng để bán thì khoản chênh lệch được tính một lần vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN tại doanh nghiệp có tài sản đánh giá lại đem góp vốn.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng cho việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2009.

15. **Mức giới hạn chi phí quảng cáo, tiếp thị:** Phần chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi phí tiếp tân, khánh thiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí; chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh vượt quá 10% tổng chi phí được trừ, đối với doanh nghiệp mới thành lập là phần chi vượt quá 15% trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập. Tổng chi phí được trừ không bao gồm các khoản chi khống chế quy định như trên. Đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hóa đã bán ra.

Mức giới hạn 15% trong ba năm đầu chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp mới thành lập được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 01/02/2009, không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập do hợp

nhất, chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu. **(CV số 593/TCT-CS ngày 25/02/2010).**

16. **Ưu đãi thuế TNDN:** Doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH 1 thành viên mới thành lập mà chủ doanh nghiệp là chủ hộ kinh doanh cá thể và có ngành nghề kinh doanh mới phải thay đổi hoàn toàn so với trước đây thì mới được hưởng ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp mới thành lập. Trường hợp doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH 1 thành viên mới thành lập mà chủ doanh nghiệp là chủ hộ kinh doanh cá thể và không có thay đổi về ngành nghề kinh doanh trước đây, nhưng có bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và đáp ứng yêu cầu về ưu đãi (ngành, địa bàn) thì không được xét ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN ngành nghề kinh doanh mới. **(CV số 569/TCT-CS ngày 24/02/2010).**

17. **Ưu đãi thuế TNDN:** Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi do sử dụng nguyên liệu trong nước nếu đáp ứng các điều kiện ưu đãi khác về thuế TNDN (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) như: sản xuất trong khu công nghiệp, khu chế xuất; thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư; sử dụng nhiều lao động...thì tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đã đáp ứng cho thời gian ưu đãi còn lại. Doanh nghiệp được phép lựa chọn phương án để tiếp tục được ưu đãi thuế và thông báo với cơ quan thuế theo một trong hai phương án sau:

Phương án 1: Được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) cho thời gian ưu đãi còn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế TNDN tại thời điểm được cấp giấy phép thành lập.

Phương án 2: Được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) cho thời gian ưu đãi còn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm điều chỉnh do cam kết WTO (ngày 11/01/2007).

Việc áp dụng ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc doanh nghiệp đang trong thời gian được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi, đang trong thời gian miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại điểm 5, điểm 6 Phần H Thông tư 134/2007/TT-BTC **(CV số 544/TCT-CS ngày 23/02/2010).**

18. **Chi phí do tổn thất vật tư, hàng hóa:** Mọi trường hợp tổn thất vật tư, hàng hóa do nguyên nhân khách quan hay chủ quan đều không được tính vào giá trị vật tư hàng hóa tổn thất vào chi phí hợp lý để tính thuế TNDN và giá trị hàng tồn thất còn lại (sau khi trừ đi các khoản bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm theo hợp đồng – nếu có) không được trừ vào lỗ để trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế **(CV số 523/TCT-CS ngày 23/02/2010).**

19. **Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp**

Ngày 12/02/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (đáp ứng tiêu chí về vốn hoặc lao động theo khoản 1 điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP) và các doanh nghiệp có thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công dệt, may, da, giày, dép.

Thời gian gia hạn chậm nộp thuế cụ thể như sau:

Số thuế tính tạm nộp của quý 1 năm 2010 được gia hạn nộp chậm nhất đến ngày 30/7/2010;

Số thuế tính nộp của quý 2 năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30/10/2010;

Số thuế tính nộp của quý 3 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 31/1/2011;

Số thuế tính nộp của quý 4 năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30/4/2011;

Số thuế phải nộp theo quyết toán năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30/06/2011.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, số thuế được gia hạn là thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý và số thuế thu nhập doanh nghiệp quyết toán năm 2010.

Đối với doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, gia công dệt, may, da, giày, dép là số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý và số thuế thu nhập doanh nghiệp quyết toán niên yết năm 2010 tính trên thu nhập của các hoạt động này.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh thì doanh nghiệp tự xác định thời gian gia hạn nộp thuế tối đa không quá 3 tháng, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/04/2010.

20. [Quyết toán thuế TNDN năm 2009](#): Để việc quyết toán thuế TNDN năm 2009 được thực hiện theo đúng quy định của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008; Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Tổng cục Thuế hướng dẫn một số nội dung cần lưu ý khi quyết toán thuế TNDN năm 2009 tại Công văn số 353/TCT-CS ngày 29/01/2010

Công văn hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tính thuế, chi phí không được trừ, thu nhập tính thuế, thu nhập chịu thuế TNDN.

Về thuế suất thuế TNDN, công văn hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế năm 2008 áp dụng chính sách thuế TNDN quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC; kỳ tính thuế năm 2009 áp dụng chính sách thuế TNDN quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch mà không được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi thì khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được phân bổ thuế suất thuế TNDN 25% tương ứng với số tháng phát sinh trong năm 2009.

Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất, cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai không phân biệt có hay chưa có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất. Như vậy, từ ngày 1/1/2009, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất; các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có thu nhập từ cho thuê lại đất thuộc diện phải nộp thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Đối với các nội dung liên quan đến ưu đãi thuế TNDN cần lưu ý thêm:

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế; Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Trong cùng một kỳ tính thuế nếu có một khoản thu nhập thuộc diện áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì doanh nghiệp tự lựa chọn một trong những trường hợp ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất.

Trong thời gian được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu trong năm tính thuế mà doanh nghiệp không đáp ứng đủ một trong các điều kiện ưu đãi thuế quy định thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi trong năm tính thuế đó mà phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp vừa có hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế vừa có hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.

Trường hợp hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế (trừ hoạt động chuyển nhượng bất động sản) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động kinh doanh còn thu nhập.

Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp thì tiếp tục được hưởng các mức ưu đãi này cho thời gian còn lại. Trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và các văn bản hướng thi hành thì được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và các văn bản hướng thi hành cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2009.

Không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối các khoản thu nhập:

- + Thu nhập khác.
- + Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác.
- + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng, cá cược theo quy định của pháp luật.
- + Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

21. [Ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết lần đầu giai đoạn 2004-2006](#):

Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu doanh nghiệp đang trong thời gian miễn thuế theo quy định của Luật thuế TNDN thì tổng hợp chung năm tài chính đó doanh nghiệp được miễn thuế TNDN.

Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu doanh nghiệp đang trong thời gian giảm thuế theo quy định của Luật thuế TNDN thì tổng hợp chung năm tài chính đó doanh nghiệp được miễn thuế TNDN (giảm 50% thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN, được cộng thêm giảm 50% thuế TNDN phải nộp do có chứng khoán niêm yết lần đầu).

Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu doanh nghiệp không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Luật thuế TNDN thì doanh nghiệp được hưởng trọn vẹn 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 2 năm kể từ có chứng khoán niêm yết lần đầu trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn năm 2004-2006.

Đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo Luật thuế TNDN đã xác định giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004-2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 11924 TC/CST ngày 24/10/2004 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 28/9/2006 thì không xem xét xử lý lại (**CV số 148/TCT-PC ngày 14/01/2010**).

22. Hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với dịch vụ sân gôn:

Ngày 13/01/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 06/2010/TT-BTC, hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân gôn.

Theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh sân gôn là tiền bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn và các khoản thu khác trong kỳ tính thuế.

Đối với hình thức bán vé, bán thẻ chơi gôn theo ngày, doanh thu kinh doanh sân gôn làm căn cứ xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp là số tiền thu được từ bán vé, bán thẻ phát sinh trong kỳ tính thuế.

Đối với hình thức bán vé, bán thẻ hội viên loại thẻ trả trước cho nhiều năm, doanh thu làm căn cứ xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của từng năm là số tiền bán thẻ thực thu được chia cho số năm sử dụng thẻ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2009.

23. Thuế đối với hàng hóa bị tổn thất: Trường hợp doanh nghiệp khi xuất khẩu có khối lượng hàng xuất giao qua cân của cảng (cân bờ) lớn hơn khối lượng khi cân lại bằng phương pháp đo mớn nước thì không được xem là tổn thất trong trường hợp bất khả kháng. Sự chênh lệch này được xác định là do thay đổi phương pháp cân, trên thực tế không có tổn thất hay hao hụt về khối lượng, số lượng hàng hóa, do đó không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (**CV số 87/TCT-CS ngày 08/01/2010**).

24. Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập: Cơ sở kinh doanh được thành lập trong các trường hợp dưới đây không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư:

Thành lập trong các trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật;

Thành lập do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu (trừ trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp và giao bán doanh nghiệp nhà nước);

Doanh nghiệp tư nhân mới thành lập từ chủ hộ kinh doanh cá thể với ngành nghề kinh doanh và trụ sở kinh doanh như trước đây;

Doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hợp tác xã mới thành lập mà người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong cơ sở kinh doanh này đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các cơ sở kinh doanh đang hoạt động hoặc giải thể chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể cơ sở kinh doanh cũ đến thời điểm lập cơ sở kinh doanh mới (**CV số 73/TCS-CS ngày 08/01/2010**).

25. Ưu đãi thuế TNDN đối với lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay: Trường hợp trong các kỳ tính thuế năm 2004 – 2008, cơ sở kinh doanh (CSKD) thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế nhưng có phát sinh thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay thì khoản thu nhập này phải kê khai nộp thuế TNDN theo quy định hiện hành, không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN và không tính vào thời gian ưu đãi thuế TNDN (bao gồm cả thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi thuế TNDN và thời gian miễn, giảm thuế TNDN). Thời gian miễn, giảm thuế TNDN được tính từ khi CSKD có thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh được ưu đãi. Thời gian áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi được tính từ khi CSKD bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Từ kỳ tính thuế năm 2009, thực hiện theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ (**CV số 118/BTC-TCT ngày 05/01/2010**).

Chi phí hợp lý đối với các khoản chi tài trợ: Trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi tài trợ như tài trợ cho trẻ em mồ côi, nhiễm chất độc màu da cam; chi tài trợ gây quỹ nghĩa tình đồng đội, quỹ đền ơn đáp nghĩa...

không thuộc các khoản chi phí hợp lý được trừ theo quy định thì không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (*CV số 5336/TCT-CS ngày 31/12/2009*).

THUẾ TNCN

1. Gia hạn nộp quyết toán thuế TNDN năm 2009: Bộ Tài chính đã gia hạn nộp quyết toán thuế TNCN 2009 đến hết ngày 31/07/2010 (*CV số 7209/BTC-TCT ngày 04/06/2010*).
2. Thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Những trường hợp cá nhân chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở thì không có căn cứ để xem xét miễn thuế khi kê khai thuế TNCN đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản là nhà ở, đất ở duy nhất. (*CV số 1697/TCT-TNCN ngày 21/05/2010*)
3. Hướng dẫn bổ sung về quyết toán thuế TNCN: Tổng Cục thuế đã ban hành CV số 1700/TCT-TNCN hướng dẫn bổ sung một số điểm về quyết toán thuế TNCN năm 2009 như sau:

Các khoản thu nhập của cá nhân cư trú phải kê khai, quyết toán thuế TNCN năm 2009 bao gồm (i) các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công trước ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trả vào 6 tháng cuối năm 2009, (ii) tiền thưởng tháng (từ tháng 7 đến hết tháng 12 năm 2009), hoặc tiền thưởng quý III, quý IV được trả trong 6 tháng cuối năm 2009.

Các khoản thu nhập của cá nhân cư trú không phải kê khai bao gồm (i) thu nhập từ tiền lương, tiền công của các năm trước được trả trong 6 tháng đầu năm 2009, (ii) thu nhập từ tiền lương, tiền công 6 tháng đầu năm 2009 (theo bảng thanh toán lương) mà tổ chức, cá nhân trả cho người lao động trong 6 tháng cuối năm 2009, (iii) tiền thưởng 6 tháng đầu năm 2009 và (iv) thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chứng khoán phát sinh các năm trước và cả năm 2009 được trả trước ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Riêng đối với tiền thưởng 6 tháng đầu năm 2009, trường hợp cá nhân không làm đủ cả 6 tháng, khoản tiền thưởng được miễn thuế được xác định tương ứng với các tháng làm việc trong 6 tháng đầu năm.

Thủ tục quyết toán thuế TNCN: Cá nhân chưa có mã số thuế có nhu cầu quyết toán thuế thì cơ quan thuế thì cơ quan thuế trực tiếp quản lý tạm thời cấp mã số thuế để cá nhân quyết toán thuế. Đối với cá nhân mới ký hợp đồng lao động trong 6 tháng cuối năm, nếu chưa đăng ký giảm trừ gia cảnh hoặc chưa đăng ký điều chỉnh giảm trừ gia cảnh thì được tiếp tục đăng ký bằng việc nộp tờ khai đăng ký tương ứng cùng với tờ khai quyết toán thuế TNCN và khi quyết toán thuế, cá nhân đó được giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ tháng có nghĩa vụ nuôi dưỡng và thay đổi người phụ thuộc. Cá nhân đã được tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế thì không được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập quyết toán thuế TNCN, trừ trường hợp đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân. (*CV số 1700/TCT-TNCN ngày 21/5/2010*).

4. Phạt chậm nộp thuế thu nhập cá nhân: Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền thuế TNCN so với thời hạn quy định bị phạt chậm nộp là 0,05% số tiền thuế nộp chậm tính theo ngày. Tuy nhiên, đối với vi phạm đã xảy ra từ trước ngày 01/07/2007, mức xử phạt sẽ được áp dụng linh hoạt theo quy định hiện hành hoặc quy định có hiệu lực trước đó, tùy theo mức phạt nào nhẹ hơn (*CV số 1676/TCT-TNCN ngày 20/05/2010*).
5. Quản lý hồ sơ giảm trừ gia cảnh: Trách nhiệm quản lý hồ sơ giảm trừ gia cảnh đối với người lao động được phân bổ như sau: (i) Thuộc về doanh nghiệp chi trả thu nhập nếu người lao động chỉ có thu nhập duy nhất; (ii) Thuộc về cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp chi trả thu nhập nếu người lao động có nhiều nguồn thu nhập (*CV số 1632/TCT-TNCN ngày 17/5/2010*).
6. Thuế thu nhập cá nhân đối với trường văn phòng đại diện: Người nước ngoài đăng ký làm trường văn phòng đại diện tại Việt Nam nhưng không thường xuyên có mặt tại Việt Nam vẫn phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Tuy nhiên, theo CV số 1433 ngày 18/4/2010 của Tổng cục Thuế, cá nhân này được miễn thuế nếu đáp ứng các điều kiện sau: (i) Có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong vòng 12 tháng; (ii) Chủ lao động không phải là đối tượng cư trú của Việt Nam; và (iii) Tiền công không phải do một cơ sở thường trú tại Việt Nam chịu và trả. (*CV số 1433/TCT-CS ngày 28/04/2010*).
7. Miễn thuế theo hiệp định tránh đánh thuế: Cá nhân đồng thời thỏa mãn ba điều kiện ba điều kiện sau đây, tiền công thu được từ công việc thực hiện tại Việt Nam sẽ được miễn thuế thu nhập tại Việt Nam:

Cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong giai đoạn 12 tháng bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế;

Chủ lao động không phải là đối tượng cư trú tại Việt Nam bắt kể tiền công đó được trả trực tiếp bởi chủ lao động hoặc thông qua một đối tượng đại diện cho chủ lao động; và

Tiền công đó không do một cơ sở thường trú mà chủ lao động có tại Việt Nam chịu và phải trả.

Theo đó, trường hợp cá nhân người nước ngoài là công dân của nước có ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam, đang giữ chức vụ trường văn phòng đại diện tại Việt Nam, không hiện diện tại Việt Nam, thỏa mãn các điều kiện về chủ lao động và cơ sở thường trú của chủ lao động thì từ ngày 31/12/2008 trở về trước

miễn thuế thu nhập, từ ngày 01/01/2009 trở về sau miễn thuế TNCN đối với khoản thu từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam (*CV số 1433/TCT-TNCN ngày 28/4/2010*).

8. **Thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế:** Trường hợp tổ chức phát hành hoặc Công ty chứng khoán làm đơn vị quản lý sổ cổ đông được tổ chức phát hành ủy thác chi trả cổ tức cho cổ đông thì thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế của cổ đông là thời điểm tổ chức phát hành hoặc công ty chứng khoán làm đơn vị quản lý sổ cổ đông trả cổ tức cho các cá nhân.

Thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực để làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế là thời điểm giao kết hợp đồng giữa các cá nhân. (*CV số 1381/TCT-TNCN ngày 26/4/2010*).

9. **Trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế TNCN:** Trường hợp thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú và không cư trú nhà do nhà thầu chi trả thì nhà thầu có trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế TNCN cho các đối tượng này.

Trường hợp thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú và không cư trú do tổ chức nước ngoài chi trả thì cá nhân người nước ngoài có trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế TNCN cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú (*CV số 1368/TCT-TNCN ngày 22/4/2010*).

10. **Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người nước ngoài:** Thông thường, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ được trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của nước ngoài tương tự như BHXH, BHYT, BHTN... vào thu nhập chịu thuế tính thuế TNCN. Do đó, người Nhật Bản làm việc tại Việt Nam được trừ vào thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam những khoản bảo hiểm bắt buộc phải nộp tại Nhật Bản sau đây: (i) Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm lương hưu trong năm 2008; (ii) Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm lương hưu và bảo hiểm thất nghiệp trong năm 2009. Tuy nhiên, các khoản tiền bảo hiểm nộp vượt mức quy định sẽ phải chịu thuế (*CV số 1287/TCT-TNCN ngày 19/04/2010*).

11. **Khấu trừ thuế TNCN:** Trường hợp cá nhân làm đại lý bán hàng hóa (kể cả đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số) hoặc thực hiện các dịch vụ chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chi trả nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế (ví dụ cá nhân có thu nhập không đến 48 triệu đồng/năm nếu độc thân hoặc dưới 67,2 triệu đồng/năm nếu có 01 người phụ thuộc được giảm đủ 12 tháng hoặc dưới 86 triệu đồng/năm nếu có 02 người phụ thuộc được giảm đủ 12 tháng...) thì cá nhân có thu nhập có thu nhập làm cam kết (theo Mẫu 23/BCK-TNCN) gửi cơ quan chi trả thu nhập để cơ quan chi trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ 10% thuế TNCN. Căn cứ vào cam kết của nhận thu nhập đơn vị chi trả thu nhập tạm thời không khấu trừ thuế nhưng hết năm vẫn phải cung cấp danh sách để cơ quan thuế biết (*CV số 1094/TCT-TNCN ngày 6/4/2010*).

12. **Bù trừ thuế, hoàn thuế theo quyết toán thuế của tổ chức trả thu nhập:** Việc bù trừ số thuế nộp thừa, nộp thiếu, khấu trừ số thuế còn phải nộp; hoàn thuế cho cá nhân nộp thừa theo quyết toán thuế được thực hiện như sau:

Theo quyết toán thuế chỉ có cá nhân nộp thừa thì tổ chức trả thu nhập hoàn thuế cho cá nhân nộp thừa bằng cách tạm ứng trước để hoàn thuế cho cá nhân và thực hiện quyết toán với NSNN sau.

Nếu tổng số thuế của các cá nhân nộp thừa lớn hơn tổng số thuế của các cá nhân nộp thiếu thì tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế của cá nhân nộp thiếu cộng với số tiền phải hoàn thuế từ ngân sách nhà nước để hoàn trả cho các cá nhân nộp thừa. Trường hợp này tổ chức trả thu nhập ứng trước để hoàn thuế cho cá nhân và thực hiện quyết toán với NSNN sau.

Nếu tổng số thuế của cá nhân nộp thừa bằng với tổng số thuế của cá nhân nộp thiếu thì tổ chức trả thu nhập khấu trừ số thuế của các cá nhân nộp thiếu để hoàn trả cho các cá nhân nộp thừa.

Nếu tổng số thuế của cá nhân nộp thiếu lớn hơn tổng số thuế của cá nhân nộp thừa thì tổ chức trả thu nhập khấu trừ số thuế của cá nhân nộp thiếu để hoàn trả cho cá nhân nộp thừa, số thuế đã khấu trừ còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn nộp thuế.

Nếu theo quyết toán thuế chỉ có các cá nhân nộp thiếu thì tổ chức trả thu nhập khấu trừ số thuế thiếu của các cá nhân nộp thiếu và nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn nộp thuế (*CV số 4283/BTC-TCT ngày 8/4/2010*).

13. **Sử dụng phần mềm hỗ trợ quyết toán thuế TNCN:** Cơ quan chi trả phải có trách nhiệm khai đầy đủ các chỉ tiêu trên tờ khai và bảng kê khi thực hiện quyết toán thuế. Đối với những trường hợp đặc thù, cá nhân không thể có mã số thuế hoặc sổ chứng minh nhân dân thì phần mềm ứng dụng hỗ trợ quyết toán thuế TNCN 2009 vẫn chấp nhận việc khai thuế tại Bảng kê 05A/BK-TNCN, 05B/BK-TNCN.

Trường hợp cá nhân hoặc nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp kê khai có phát sinh lỗ thì không được bù trừ thu nhập chịu thuế của năm sau (*CV số 808/TCT-TNCN ngày 17/03/2010*).

14. **Thuế TNCN đối cá nhân nước ngoài:** Người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam đối với thu nhập phát sinh trong và ngoài Việt Nam, kể cả thu nhập phát sinh trong thời gian trước khi cá nhân đó là đối tượng cư trú tại Việt Nam.

Người nước ngoài không phải là đối tượng cư trú tại Việt Nam có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập phát sinh do thực hiện công việc tại Việt Nam không phân biệt nơi trả thu nhập, kể cả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trong thời gian người nước ngoài đó không hiện diện tại Việt Nam hoặc đã về nước.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với cả hai trường hợp nêu trên là thời điểm người nước ngoài được trả thu nhập (**CV số 847/TCT-TNCN ngày 19/03/2010**).

15. **Thời điểm truy thu thuế TNCN:** Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện và kết luận có sự khai man, trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu tiền thuế, tiền phạt hoặc hoàn trả tiền thuế trong thời hạn 5 năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự khai man trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế (**CV số 799/TCT-TNCN ngày 17/03/2010**).
16. **Hướng dẫn tư in chứng từ khấu trừ thuế TNCN:** Ngày 18/03/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 37/2010/TT-BTC, hướng dẫn về việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính.

Theo đó, tổ chức chi trả các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) có khấu trừ thuế TNCN được tự in chứng từ khấu trừ để cấp cho cá nhân bị khấu trừ thuế khi có yêu cầu nếu thỏa mãn các điều kiện sau: (1) Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật; (2) Đã đăng ký thuế và có mã số thuế; (3) Có trang thiết bị máy tính và phần mềm bảo vệ; (4) Trong thời gian 01 năm trở về trước không bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế từ 02 lần trở lên.

Nội dung chứng từ khấu trừ phải có đủ các chỉ tiêu theo mẫu chứng từ khấu trừ chuẩn ban hành kèm theo Thông tư này. Mỗi sổ chứng từ khấu trừ gồm 02 liên để lưu tại tổ chức trả thu nhập và giao cho người bị khấu trừ tiền thuế; những nội dung đặc thù, biểu tượng của đơn vị có thể được đưa vào mẫu chứng từ khấu trừ. Trường hợp tổ chức trả thu nhập cần sử dụng chứng từ khấu trừ in song ngữ thì in tiếng Việt trước, tiếng nước ngoài sau.

Trường hợp chứng từ khấu trừ lập sai nội dung nhưng chưa giao cho người nộp thuế cần hủy bỏ chứng từ khấu trừ thì gạch chéo để hủy bỏ và phải lưu đầy đủ các liên của sổ chứng từ khấu trừ. Những trường hợp chứng từ khấu trừ đã được lập và giao cho người nộp thuế, sau đó phát hiện sai phải lập lại chứng từ khấu trừ thay thế thì tổ chức trả thu nhập phải lập biên bản ghi rõ nội dung sai, số, ngày chứng từ khấu trừ đã lập sai có chữ ký xác nhận của người nhận thu nhập, đồng thời yêu cầu người có thu nhập nộp lại liên chứng từ đã lập sai cho tổ chức trả thu nhập để lưu cùng với biên bản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/05/2010.

17. **Thuế TNCN đối với khoản phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút:** Doanh nghiệp có cán bộ, nhân viên làm việc tại các khu vực được hưởng phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút sẽ được hưởng phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút theo quy định. Các khoản phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút cho nhân viên làm việc tại khu vực được hưởng phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút không tính vào thu nhập chịu thuế.
- Trường hợp doanh nghiệp không có quy định mức lương tối thiểu chung thì mức tiền phụ cấp khu vực được tính trên mức lương cơ bản ghi trong hợp đồng lao động. Nếu doanh nghiệp chi cao hơn mức lương cơ bản ghi trong Hợp đồng lao động thì phần vượt mức chỉ phải tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động (**CV số 505/TCT-TNCN ngày 11/2/2010**).
18. **Quyết toán thuế TNCN năm 2009:** Đối tượng phải quyết toán thuế TNCN bao gồm: Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập, Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh có số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã khấu trừ, tạm nộp; hoặc cá nhân có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ sau

Kê khai quyết toán thuế của tổ chức chi trả thu nhập: đơn vị chi trả thu nhập chỉ phải kê khai quyết toán thuế đối với các khoản thu nhập chi trả không thuộc diện được miễn thuế TNCN, các khoản thu nhập thuộc diện được miễn thuế không phải kê khai

Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: Nếu chi trả cho cá nhân cư trú (đối tượng được miễn thuế 6 tháng đầu năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 160/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính); đơn vị chi trả thu nhập không phải kê khai quyết toán đối với phần thu nhập thuộc diện được miễn thuế trong 6 tháng đầu năm 2009, chỉ phải kê khai quyết toán đối với thu nhập chịu thuế và số thuế đã khấu trừ phát sinh từ ngày 01/7/2009 đến hết ngày 31/12/2009. Đối với tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo quyết định lương thì thu nhập được miễn thuế TNCN được xác định căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương, tiền công chi trả từ tháng 01/2009 đến hết tháng 06/2009 mà không phụ thuộc vào tháng hạch toán khoản tiền lương đó vào chi phí của doanh nghiệp. Trường hợp đơn vị chi trả thu nhập áp dụng trả lương theo kết quả công việc, hàng tháng chỉ tạm thanh toán tiền lương, kết thúc công việc hoặc cuối năm mới quyết toán thì thu nhập được miễn thuế của 6 tháng đầu năm sẽ được xác định theo số thực quyết toán.

Trường hợp vì lý do khách quan người lao động nhận được tiền lương của các tháng từ tháng 01 đến hết tháng 06/2009 trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/12/2009 thì khoản thu nhập này vẫn thuộc diện được miễn thuế TNCN.

Đối với tiền lương, tiền công của năm 2008 trở về trước nhưng chi trả trong 6 tháng đầu năm 2009 thì vẫn thuộc thu nhập được miễn thuế, đơn vị chi trả thu nhập cũng không phải kê khai quyết toán thuế; nếu chi trả vào 6 tháng cuối năm 2009 thì phải kê khai vào thu nhập chịu thuế để quyết toán thuế năm 2009.

Đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại: nếu chi trả các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại của năm 2009 trước ngày 01/7/2010 thì các khoản thu nhập này thuộc thu nhập được miễn thuế, đơn vị chi trả không phải kê khai quyết toán thuế; nếu chi trả sau ngày 30/6/2010 thì phải tính thuế đối với khoản thu nhập này.

Trường hợp ứng trước các khoản thu nhập này có nguồn gốc của năm 2010 và những năm tiếp theo trong năm 2009 thì phải tính thuế và kê khai quyết toán thuế năm 2009 đối với phần thu nhập chi trả ứng trước.

Đối với các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của các năm từ năm 2008 trở về trước, năm 2009 mới được chi trả thì cũng thuộc thu nhập được miễn thuế TNCN; đơn vị chi trả không phải kê khai quyết toán thuế TNCN năm 2009 đối với các khoản này.

Đơn vị chi trả thu nhập lập tờ khai quyết toán cần lưu ý:

Các Bảng kê chi tiết kèm theo Tờ khai quyết toán phản ánh tất cả các cá nhân nhận thu nhập không phân biệt đến mức khấu trừ thuế TNCN hay chưa.

Việc kê khai các chỉ tiêu số liệu trong tờ khai quyết toán thuế được thực hiện theo nguyên tắc: chỉ kê khai theo số tổng hợp tương ứng với khoản thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân của năm 2009.

Đối với những loại thu nhập được miễn thuế 6 tháng đầu năm 2009 thì trên tờ khai thu nhập tại chỉ tiêu kỳ tính thuế phản ánh rõ kỳ tính thuế từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/12/2009.

(CV số 451/TCT-CS ngày 08/02/2010)

19. **Sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính về thuế TNCN:** Thực hiện cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế TNCN, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính về thuế TNCN tại Thông tư số 20/2010/TT-BTC ngày 05/01/2010.

Thông tư sửa đổi một số mẫu tờ khai, bảng kê và văn bản kê khai thuế TNCN bao gồm Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công, Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú, Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân, Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú,...

Hồ sơ hoàn thuế quy định tại Thông tư này gồm có:

Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (đối với các đối tượng phải quyết toán thuế TNCN);

Văn bản đề nghị giảm thuế theo (đối với những cá nhân được giảm thuế TNCN do bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo có yêu cầu hoàn thuế).

Chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế thu nhập cá nhân (bản chính).

Căn cứ vào yêu cầu hoàn thuế phản ánh trên tờ khai quyết toán, văn bản đề nghị giảm thuế cơ quan thuế sẽ kiểm tra và thực hiện hoàn thuế, cá nhân đề nghị hoàn thuế không phải làm các thủ tục hoàn thuế quy định hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Đối với các Tờ khai quyết toán thuế TNCN, thủ tục hoàn thuế được áp dụng ngay cho kỳ quyết toán thuế năm 2009, các nội dung khác áp dụng ngay từ kỳ kê khai thuế TNCN năm 2010 trở đi. Các thủ tục hành chính về thuế TNCN không được hướng dẫn tại Thông tư này tiếp tục thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

20. **Thuế TNCN đối với trường hợp chuyển nhượng nhà ở duy nhất:** Cá nhân có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở duy nhất hoặc cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà duy nhất, quyền sử dụng đất duy nhất khi chuyển nhượng sẽ thuộc diện miễn thuế TNCN.

Các trường hợp cá nhân vừa có quyền sở hữu nhà ở vừa có quyền sử dụng đất ở riêng biệt; cá nhân có nhà duy nhất được xây dựng trên hai quyền sử dụng đất liền kề hoặc trường hợp cá nhân có hai quyền sở hữu nhà ở trên cùng một quyền sử dụng đất ở duy nhất khi chuyển nhượng không thuộc đối tượng miễn thuế **(CV số 421/TCT-TNCN ngày 05/02/2010).**

21. **Đăng ký áp dụng thuế suất 20% đối với cá nhân kinh doanh chứng khoán:** Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 năm trước.

Năm 2010, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán muốn áp dụng thuế suất 20% phải đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú, chậm nhất là ngày 31/12/2009.

Riêng đối với các trường hợp cá nhân tham gia thị trường chứng khoán lần đầu mở tài khoản giao dịch từ năm 2010 trở đi, nếu muốn đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% thì phải đăng ký với cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày trước ngày bắt đầu thực hiện các giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. *(CV số 386/TCT-TNCN ngày 02/02/2010).*

22. Kê khai giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc: Việc kê khai giảm trừ đối với ông bà ngoại, ông bà nội để được xác định là người phụ thuộc phải thỏa mãn thêm điều kiện là người không nơi nương tựa mà đối tượng nộp thuế đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Trường hợp con riêng của vợ hoặc chồng nếu mẹ đẻ, hoặc bố đẻ đã kê khai giảm trừ người phụ thuộc thì bố đẻ, mẹ kế không được kê khai là người phụ thuộc.

Trường hợp con trên 18 tuổi đang học phổ thông trung học, bổ túc văn hóa, đang học nghề tại các trường đào tạo nghề, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm, đang học đại học tại chức tại các trường đại học, đang học trên đại học (thạc sỹ cả trong nước và ngoài nước) không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000 đồng/tháng được tính là người phụ thuộc để được giảm trừ gia cảnh theo quy định của Luật thuế TNCN *(CV số 360/TCT-TNCN ngày 01/02/2010).*

23. Thuế TNCN đối với thu nhập về môi hồng môi giới: Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công của cá nhân của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

Tiền hoa hồng môi giới là khoản thu nhập chịu thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công. Cá nhân không cư trú tại Việt Nam khi có thu nhập từ hoa hồng môi giới phải nộp thuế TNCN theo mức thuế suất 20%. Cơ quan chỉ trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ số thuế phải nộp theo thuế suất 20% trên số thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi trả thu nhập để nộp vào ngân sách Nhà nước *(CV số 348/TCT-TNCN ngày 29/01/2010).*

24. Kê khai giảm trừ đối với anh, chị, em ruột: Trường hợp bố, mẹ của người đóng thuế đang trong độ tuổi lao động, nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động và người đóng thuế phải thay cha mẹ nuôi em đang ăn học, và em của người nộp thuế không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng, thì người nộp thuế được kê khai để tính giảm trừ gia cảnh đối với người em trong trường hợp này.

Trường hợp bố mẹ của người nộp thuế đang trong độ tuổi lao động, và sức khỏe bình thường thì không được tính giảm trừ gia cảnh đối với người em trong trường hợp nêu trên *(CV số 313/TCT-TNCN ngày 27/01/2010).*

25. Hướng dẫn bổ sung về thuế Thu nhập cá nhân

Ngày 11/01/2010 Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 02/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân.

Đáng chú ý là Thông tư 02 đã thống nhất phương án tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, cho phép người nộp thuế được tự xác định mức thuế suất áp dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin kê khai.

Theo đó, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản áp dụng thuế suất 25% tính trên thu nhập tính thuế khi đáp ứng các điều kiện sau: (i) Giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và kê khai trên tờ khai thuế không thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (đối với quyền sử dụng đất) hoặc giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định (đối với nhà và các công trình xây dựng); (ii) Giá mua và các chi phí liên quan có hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Các trường hợp chuyển nhượng bất động sản không đáp ứng một trong các điều kiện trên sẽ thống nhất áp dụng thuế suất 2% tính trên tổng giá trị hợp đồng.

Đối với cá nhân chuyển nhượng hợp đồng góp vốn để có quyền mua nền nhà, mua căn hộ thì giá mua được xác định căn cứ vào chứng từ nộp tiền góp vốn và hóa đơn, chứng từ khác chứng minh các chi phí liên quan. Các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản bao gồm cả các khoản lãi trả tiền vay của các tổ chức tín dụng để mua bất động. Riêng trường hợp chưa nộp đủ số tiền theo hợp đồng, giá mua được xác định bằng tổng số vốn phải góp theo hợp đồng trừ phần vốn góp chưa nộp, sau đó cộng thêm các chi phí có liên quan khác.

Một trong những điểm quan trọng của Thông tư 02/2010/TT-BTC là bổ sung một số khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công vào danh sách thu nhập không chịu thuế. Trong đó có các khoản cụ thể là tiền của cán bộ công chức luân chuyển công tác được hưởng chế độ nhà công vụ, xe phục vụ công tác...

Bên cạnh đó, thông tư này cũng quy định bãi bỏ quy định phạt hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn. Cơ sở để đưa ra quy định này là trên thực tế, chính cơ quan thuế đã giữ tiền thuế, thậm chí là giữ một khoản tiền nhiều hơn mức áp thuế của cá nhân đó.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng ngay đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản. Riêng cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh được áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2009.

26. **Kê khai, khấu trừ thuế TNCN:** Trường hợp cá nhân có hàng tháng có thu nhập từ hai nơi trở lên thì cá nhân chỉ được đăng ký giảm trừ gia cảnh tại một nơi. Tổ chức, cá nhân chi trả nơi cá nhân có đăng ký giảm trừ gia cảnh thực hiện tạm giảm trừ gia cảnh cho cá nhân đó và khấu trừ thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần tính trên thu nhập hàng tháng đối với những hợp đồng có thời hạn từ trên 3 tháng trở lên. Trường hợp cá nhân ký hợp đồng theo thời vụ từ 3 tháng trở xuống thực hiện khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên tổng mức thu nhập từ 500.000 đồng trở lên (*CV số 5231/TCT-TNCN ngày 24/12/2009*).

THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. **Chính sách thuế đối với hoạt động môi giới vận tải quốc tế:** Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ môi giới vận tải biển quốc tế cho chủ tàu Việt Nam, nhằm làm trung gian cho các bên liên quan trong quan hệ giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa, mà dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài thì thu nhập của tổ chức, cá nhân nước ngoài từ việc cung cấp dịch vụ môi giới đó không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008. (*CV số 6824/BTC-CST ngày 28/05/2010*)

2. **Truy thu thuế mua bán căn hộ xây trên đất:** Cá nhân có hoạt động mua bán căn hộ xây trên đất bị xem là đã chuyển quyền sử dụng đất cho người mua căn hộ và sẽ bị xử lý truy thu thuế. Loại thuế bị truy thu sẽ được xác định căn cứ vào thời điểm phát sinh giao dịch. Trước năm 2009 là thuế chuyển quyền sử dụng đất. Sau đó là thuế Thu nhập cá nhân. Được biết, việc bị truy thu thuế này không giúp hợp pháp hóa giao dịch nêu trên (*CV số 1626/TCT-TTr ngày 17/05/2010*).

3. **Hướng dẫn thi hành Luật thuế Tài nguyên:** Ngày 14/05/2010, Chính phủ đã ban hành ND số 50/2010/ND-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Theo đó, đối tượng chịu thuế tài nguyên bao gồm: khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than; sản phẩm của rừng tự nhiên, bao gồm các loại thực vật và các loại sản phẩm khác của rừng tự nhiên, trừ động vật và hải sản, sa nhân, thảo quả do người nộp thuế trồng tại khu vực rừng tự nhiên được giao khoán nuôi, bảo vệ; hải sản tự nhiên, bao gồm động vật và thực vật biển; nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất; yếm sào thiên nhiên.

Sản lượng tài nguyên tính thuế thực hiện như sau: Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên dùng cho mục đích công nghiệp thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối hoặc lít. Trường hợp không trực tiếp xác định được sản lượng tính thuế thông qua hệ thống đo đếm thì thực hiện khoán sản lượng tài nguyên khai thác theo kỳ tính thuế. Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan có liên quan ở địa phương xác định sản lượng tài nguyên khai thác được khoán để tính thuế căn cứ vào tình hình khai thác thực tế, định mức tiêu chuẩn kỹ thuật ngành hoặc sản lượng khai thác sử dụng của tổ chức, cá nhân khác tương đương.

ND này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2010, bãi bỏ ND số 05/2009/ND-CP ngày 19/01/2009.

4. **Xử lý vi phạm pháp luật về thuế:** Doanh nghiệp bị xác định là trốn thuế, gian lận thuế nếu không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp. Được biết, ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận doanh nghiệp còn bị phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn, số thuế gian lận đối với trường hợp vi phạm lần đầu. (*CV số 1475/TCT-CS ngày 05/05/2010*).

5. **Quy định mới về lệ phí trước bạ:** Ngày 26/04/2010, Bộ Tài chính đã ban hành TT số 68/2010/TT-BTC, hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

Theo đó, Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có các tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ - bao gồm: Nhà, đất; phương tiện vận tải; súng săn, súng thể thao - phải nộp lệ phí trước bạ trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Có 17 trường hợp hàng hoá khi tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu không phải lệ phí trước bạ. Như: Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương chung về "đồng điền đổi thửa"; Đất thuê của nhà nước hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp; Nhà, đất được bồi thường (kể cả nhà đất mua bằng tiền bồi thường, hỗ trợ) khi nhà nước thu hồi nhà, đất mà tổ chức, cá nhân bị thu hồi nhà, đất đã nộp lệ phí trước bạ (hoặc không phải nộp, hoặc được miễn lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật); Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng thì không phải nộp lệ phí trước bạ; Tài sản là hàng hoá được phép kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động kinh doanh mà không đăng ký quyền sở hữu, sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn; Phương tiện thủy nội địa (bao gồm cả tàu cá) không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 mã lực (CV) hoặc phương tiện có sức chở người đến 12 người; Nhà, đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của các cơ sở ngoài công lập đăng ký

quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất vào mục đích xã hội; Nhà, đất thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi theo quy định tại ND số 69/2008/ND-CP được miễn nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký sử dụng.

Mức thu lệ phí trước bạ được xác định theo tỷ lệ (%) trên giá trị tài sản tính lệ phí trước bạ: Nhà, đất: 0,5%; phương tiện vận tải cơ giới đường thủy, phương tiện đánh bắt và vận chuyển thủy sản: 1%; tàu đánh cá xa bờ (kể cả vỏ, khung, tổng thành máy lắp thay thế) là: 0,5%; Súng săn, súng thể thao: 2%; xe máy đăng ký lần đầu là 5%; xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ từ 10% đến 15% theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh, các loại xe ô tô khác thì lệ phí trước bạ là 2%.

TT này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2010 và thay thế các TT số 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005, TT số 02/2007/TT-BTC ngày 8/01/2007, TT số 79/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008.

6. **Bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế đối với Nhà thầu nước ngoài:** Ngày 22/04/2010, Bộ Tài chính đã ban hành TT số 64/2010/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung TT số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Theo đó, Bộ Tài chính bổ sung thêm 02 khoản thu nhập của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam vào diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là lãi trái phiếu (trừ lãi trái phiếu thuộc diện miễn thuế) và lãi chứng chỉ tiền gửi.

Đối với chuyển nhượng chứng khoán, trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), chứng chỉ tiền gửi, doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định là tổng doanh thu bán chứng khoán, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại thời điểm chuyển nhượng.

TT này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/06/2010.

7. **Tăng phí thẩm định cơ sở lưu trú du lịch:** Kể từ ngày 27/5/2010, mức phí thẩm định mới và thẩm định lại đối với cùng một mức xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch sẽ bằng nhau và được tăng hơn so với hiện nay. Được biết, mức phí thẩm định tối đa đối với cơ sở lưu trú du lịch (cho hạng 4 sao, 5 sao và hạng cao cấp) là 3 triệu đồng/giấy phép, tăng 500 nghìn đồng; mức phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch là 500 nghìn đồng/giấy phép. (**TT số 47/2010/TT-BCT ngày 12/04/2010**).

8. **Nộp thuế đối với nhà thầu thực hiện dự án ODA vay:** Trường hợp nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm chuyển số tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án để Chủ dự án nộp số thuế đó thay cho Nhà thầu nước ngoài (**CV số 1070/TCT-CS ngày 05/4/2010**).

9. **Thuế trước bạ tài sản đồng sở hữu:** Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng chung của hộ gia đình (đồng đứng tên chủ sở hữu, sử dụng tài sản trong giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản) khi phân chia tài sản do những người trong hộ gia đình thì người được chia tài sản không phải nộp lệ phí trước bạ.

Đối với giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng tài sản chỉ do một người đứng tên thì không phải là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng chung của hộ gia đình. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tế Việt Nam, nếu chủ tài sản chuyển giao tài sản của mình cho vợ (chồng), cha mẹ (kể cả cha nuôi, mẹ nuôi), con (kể cả con nuôi, con dâu, con rể) thì người nhận tài sản không phải nộp lệ phí trước bạ (**CV số 982/TCT-CS ngày 29/03/2010**).

10. **Miễn tiền thuê đất của doanh nghiệp kinh doanh vận tải công cộng:** Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất để kinh doanh vận tải hành khách công cộng tại các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu vực công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng (**CV số 977/TCT-CS ngày 29/03/2010**).

11. **Thuế trong chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản:**

Ngày 19/3/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 38/2010/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

Theo đó, hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có kèm theo công trình, kết cấu hạ tầng trên đất; máy móc, thiết bị phương tiện vận tải thì phải tách riêng giá trị công trình, kết cấu hạ tầng trên đất; máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyển nhượng để nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp không tách riêng được giá trị công trình, kết cấu hạ tầng trên đất; máy móc, thiết bị, phương tiện vẫn phải chuyển nhượng thì phải nộp thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 10% trên toàn bộ giá trị chuyển nhượng.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản là 25% và không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn áp dụng thuế suất là 20%

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

12. [Hướng dẫn xóa nợ thuế cho DNNN](#): Ngày 12/03/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 34/2010/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện xóa nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp chuyển đổi trước ngày 01/7/2007.

Đối tượng được xử lý xóa nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước (gọi chung là xóa nợ thuế) bao gồm các doanh nghiệp nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước tổ chức hạch toán độc lập, thực hiện sắp xếp, chuyển đổi trước 1/7/2007 theo quyết định của cấp có thẩm quyền thuộc các trường hợp được xóa nợ thuế theo quy định tại Quyết định số 172/2001/QĐ-TTg ngày 5/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là 3 trường hợp: DNNN thực hiện cổ phần hóa, DNNN thực hiện giao, bán và DNNN sáp nhập vào DNNN khác.

Các khoản nợ thuế và khoản phải nộp NSNN được xử lý bao gồm: thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhà đất, thuế lợi tức, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp; thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu về sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, khấu hao cơ bản, phí, lệ phí thuộc Ngân sách Nhà nước; tiền phạt chậm nộp.

Thông tư quy định Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, xem xét và thẩm định hồ sơ của doanh nghiệp đề nghị xử lý nợ thuế. Thời gian thực hiện công việc kiểm tra hồ sơ và xử lý hồ sơ nêu trên là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Thông tư có hiệu lực từ 25/4/2010.

XUẤT- NHẬP KHẨU

1. [Điều chỉnh tổng lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu từ Lào năm 2010](#)

Ngày 16/06/2010, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 27/2010/TT-BCT, về điều chỉnh, sửa đổi Thông tư số 34/2009/TT-BCT ngày 17/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào.

Theo đó, Thông tư này điều chỉnh, sửa đổi Phụ lục số 01 về Mã số hàng hoá và tổng lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu từ Lào năm 2010 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BCT.

Cụ thể, tổng lượng hạn ngạch năm 2010 đối với mặt hàng thóc và gạo các loại là 40.000 tấn quy gạo với tỷ lệ quy đổi 2 thóc = 1,2 gạo. Tổng lượng hạn ngạch năm 2010 đối với mặt hàng lá và cộng thuốc lá là 3.000 tấn.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2010 và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2010.

2. [Đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu](#): Trường hợp dự án ưu đãi đầu tư đáp ứng điều kiện miễn thuế từ 2 khoản trở lên, doanh nghiệp đã đăng ký Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế để tạo tài sản cố định cho cả dự án, hoặc từng giai đoạn thực hiện dự án, từng hạng mục công trình của dự án với cơ quan hải quan theo quy định (nếu tại giấy phép đầu tư của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật, các tài liệu khoa học kỹ thuật của dự án... thực hiện theo từng giai đoạn hoặc theo từng hạng mục công trình) và đã thực hiện nhập khẩu hàng hoá, thì thực hiện kiểm tra việc sử dụng hàng hoá nhập khẩu, nếu doanh nghiệp sử dụng đúng mục đích tạo tài sản cố định cho dự án ưu đãi đầu tư đó thì không xử lý lại. Đối với phần hàng hoá thuộc Danh mục đã đăng ký nhưng chưa nhập khẩu trước thời điểm Thông tư 79/2009/TT-BTC có hiệu lực thì chỉ miễn thuế theo khoản có mức miễn thuế cao nhất theo quy định tại điểm a khoản 21 Điều 100 Thông tư 79/2009/TT-BTC.

Đối với phần hạng mục, giai đoạn chưa đăng ký Danh mục, nay doanh nghiệp mới đăng ký tiếp các hạng mục, giai đoạn còn lại của dự án thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 21 Điều 100 Thông tư 79/2009/TT-BTC (chỉ được lựa chọn khoản có mức miễn thuế cao nhất của dự án).

Doanh nghiệp được thay đổi tên hàng, số lượng, trị giá, chủng loại,... tại Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế đã đăng ký với cơ quan hải quan nếu đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

- Phù hợp với luận chứng kinh tế - kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật chi tiết của dự án hoặc luận chứng kinh tế - kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật sửa đổi, bổ sung của dự án, nộp cho cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu hàng hoá.
- Tổng trị giá hàng hoá nhập khẩu miễn thuế không vượt quá trị giá phần vốn dùng để mua sắm máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp.

[\(CV số 7645/BTC-TCHQ ngày 16/06/2010\)](#)

3. [Thời hạn nộp thuế đối với hàng tạm nhập tái xuất](#): Thông thường thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm nhập tái xuất. Tuy nhiên, hàng hóa tạm nhập

tái xuất để thi công công trình nộp thuế trong 30 ngày kể từ ngày đăng ký hải quan. Thời hạn này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đã hoạt động xuất nhập khẩu đủ 365 ngày, không bị xử lý về trốn thuế, gian lận thuế (**CV số 2602/TCHQ ngày 19/05/2010**).

4. **Hướng dẫn thực hiện thủ tục hải quan điện tử:** Thông tin về mã “Người chỉ định giao hàng” được thể hiện tự động trên Mẫu tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử chưa cập nhật tiêu chí này nên từ nay đến ngày 30/06/2010 tiêu chí “Người chỉ định giao hàng” sẽ khai báo tại ô Ghi chép khác (**CV số 2534/TCHQ ngày 18/05/2010**).
5. **Hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu dư thừa trong quá trình gia công:** Doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ nguyên liệu gia công thừa để tiếp tục gia công hàng xuất khẩu cho đối tác nước ngoài sẽ được xét hoàn thuế (không thu thuế). Ngược lại, nếu số nguyên liệu thừa bị tiêu thụ nội địa, doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu, thuế GTGT và nợ phạt. (**CV số 2519/TCHQ-GSQL ngày 17/05/2010**).
6. **Thời hạn làm thủ tục hải quan xuất khẩu tại chỗ:** Doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký xác nhận giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu tại tờ khai hải quan. Được biết, quá thời hạn nêu trên mà chưa làm thủ tục hải quan xuất khẩu tại chỗ thì ngoài việc phải làm tiếp thủ tục hải quan, doanh nghiệp còn có thể bị phạt tiền đến 1 triệu đồng. (**CV số 1564/TCT-CS ngày 11/05/2010**).
7. **Xác nhận tờ khai nguồn gốc xe ô tô:** Trường hợp xác nhận Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu gồm: (i) Xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nguyên chiếc nhập khẩu; (ii) Bộ linh kiện xe ô tô dạng CKD1 nhập khẩu có đủ số khung, số máy; (iii) Bộ linh kiện xe hai bánh gắn máy dạng CKD nhập khẩu theo phương thức thanh toán hàng đổi hàng. “Xe cần trục bánh lốp” thuộc nhóm 8426 nên không phải xác nhận Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu. (**CV số 2270/TCHQ-CSQL ngày 05/05/2010**).
8. **Tạm xuất, tái nhập hàng hóa để sửa chữa, bảo hành:** Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa bị hư hỏng có thể tái xuất hàng hóa ra nước ngoài để sửa chữa, bảo hành và sau đó tái nhập lại về Việt Nam theo thủ tục tạm xuất tái nhập. Được biết, nếu hàng hóa tạm xuất tái nhập thuộc danh mục cấm xuất nhập khẩu, tạm ngừng xuất nhập khẩu thì doanh nghiệp phải xin giấy phép của Bộ Công thương. Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng nêu trên, doanh nghiệp chỉ cần làm thủ tục tạm xuất tái nhập tại Hải quan cửa khẩu. Thời hạn tạm xuất tái nhập được thực hiện theo thỏa thuận của các bên và đăng ký với Hải quan cửa khẩu. (**CV số 2071/TCHQ-KTTT ngày 21/04/2010**)
9. **Thủ tục nhập khẩu vào kho ngoại quan:** Hàng hóa làm thủ tục hải quan theo loại hình kho ngoại quan phải thủ tục nhập kho và xuất kho, không được vận chuyển trực tiếp từ cửa khẩu nhập ra cửa khẩu xuất mà không đưa vào kho ngoại quan.

Trường hợp hàng hóa không thể làm thủ tục theo loại hình trên, doanh nghiệp cần liên hệ với cơ quan hải quan tỉnh, thành phố nơi dự kiến làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để được hướng dẫn mở tờ khai theo loại hình phù hợp. (**CV số 1985/TCHQ-GSQL ngày 19/4/2010**).
10. **Trường hợp không thu lệ phí hải quan:** Các trường hợp không thu phí, lệ phí hải quan bao gồm: hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ (kể cả hàng hóa trao đổi giữa doanh nghiệp chế xuất với nội địa và giữa doanh nghiệp chế xuất với nhau). Nếu hàng hóa của doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp bán cho doanh nghiệp chế xuất thuộc đối tượng không thu lệ phí hải quan (không quy định hàng hóa được làm thủ tục khai báo theo loại tờ khai hải quan nào) (**CV số 1967/TCHQ-KTTT ngày 16/4/2010**).
11. **Kê khai thuế GTGT hàng nhập khẩu:** Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nhưng nếu thay đổi mục đích thì phải kê khai, nộp thuế GTGT.
 - Nếu việc thay đổi mục đích sử dụng phát sinh trước ngày 01/01/2009 thì kê khai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở.
 - Nếu việc thay đổi mục đích sử dụng phát sinh từ ngày 01/01/2009 trở đi thì kê khai nộp thuế GTGT khâu nhập với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai Hải quan (**CV số 1609/TCHQ-KTTT ngày 01/4/2010**).
12. **Giá tính thuế GTGT hàng hóa miễn, giảm thuế nhập khẩu:** Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa được miễn, giảm thuế nhập khẩu nhưng phải chịu thuế GTGT thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu cộng với số thuế thuế nhập khẩu phải nộp sau khi được miễn, được giảm. Trường hợp hàng hóa được miễn, giảm toàn bộ số thuế nhập khẩu thì số thuế nhập khẩu phải nộp sau khi được miễn giảm là 0 đồng. Khi đó, giá tính thuế sẽ là giá nhập khẩu cộng với 0 đồng tiền thuế nhập khẩu phải nộp (**CV số 1496/TCHQ-KTTT ngày 22/03/2010**).
13. **Hoàn tiền thuế, tiền phạt nộp thừa:** Trường hợp nguồn tiền hoàn tiền thuế, tiền phạt nộp thừa từ tài khoản tiền gửi, cơ quan hải quan nơi người nộp thuế có số tiền được hoàn, tiền thuế, tiền phạt nộp thừa phải đối chiếu trên mạng để theo dõi nợ thuế. Nếu người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền phạt thì thực hiện hoàn trả tiền thuế, tiền phạt cho người nộp thuế theo đúng quy định. Trường hợp nguồn tiền hoàn tiền thuế, tiền phạt nộp thừa từ ngân sách: nếu người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền phạt và không yêu cầu bù trừ vào số tiền thuế phải nộp lần tiếp theo, cơ quan hải quan gửi giấy đề nghị hoàn thuế/xử lý tiền thuế, tiền

phạt nộp thừa kèm theo quyết định hoàn thuế/quyết định xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa cho Kho bạc Nhà nước nơi hoàn trả tiền thuế (**CV số 1436/TCHQ-KTTT ngày 18/03/2010**).

14. **Không thu thuế đối với mặt hàng gỗ, than cốc xuất khẩu:** Ngày 12/03/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 35/2010/TT-BTC, hướng dẫn về thuế xuất khẩu đối với gỗ và than cốc được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu.

Theo đó, Bộ Tài chính quy định không thu thuế xuất khẩu đối với mặt hàng gỗ, than cốc xuất khẩu được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu.

Hồ sơ không thu thuế xuất khẩu đối với mặt hàng gỗ, than cốc được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu thực hiện như hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu sản xuất hàng hoá xuất khẩu hướng dẫn tại Điều 117 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2010

15. **Chuyển tiếp nguyên phụ liệu gia công:** Trường hợp bên gia công thay đổi mẫu mã nếu doanh nghiệp có văn bản giải trình về việc chuyển tiếp nguyên phụ liệu, xuất trình biên bản thỏa thuận, phụ lục hợp đồng gia công thì được phép chuyển tiếp nguyên phụ liệu sang hợp đồng gia công khác. Khi thanh khoản hợp đồng gia công, doanh nghiệp phải xuất trình bảng định mức của mẫu mã sản phẩm mới. (**CV số 1146/TCHQ-GSQL ngày 03/03/2010**).

16. **Đăng ký danh mục miễn thuế:** Hàng hóa nhập khẩu thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư được miễn thuế nhập khẩu theo quy định. Để được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu cầu dự án khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp phải thực hiện đăng doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký danh mục hàng hóa miễn thuế lần đầu cho cả dự án, từng giai đoạn thực hiện của dự án hoặc từng hạng mục công trình của dự án với cơ quan Hải quan nơi thực hiện dự án.

Hồ sơ đăng ký bao gồm: giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, luận chứng kinh tế kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật hci tiết của dự án. (**CV số 994/TCHQ-GSQL ngày 24/02/2010**).

17. **Xử lý phế liệu, phế phẩm:** Đối với các hợp đồng gia công thực hiện thanh khoản từ 31/12/2008 trở về trước thì việc xử lý phế liệu, phế phẩm nằm trong tỷ lệ hao hụt được thực hiện như sau:

- Đối với phế liệu, phế phẩm nằm trong tỷ lệ hao hụt nhỏ hơn hoặc bằng 3% khi bán vào thị trường nội địa doanh nghiệp không phải nộp thuế nhập khẩu nhưng phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế khác theo quy định.
- Đối với phế liệu, phế phẩm nằm trong tỷ lệ hao hụt lớn hơn 3% thì doanh nghiệp phải kê khai hải quan, nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) với cơ quan Hải quan đồng thời phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác với cơ quan thuế nội địa (**CV số 575/TCHQ-GSQL ngày 28/01/2010**).

18. **Án hạn nộp thuế:** Để được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định tại các điểm c, d và đ tại Điều 42 của Luật quản lý thuế, người nộp thuế phải đáp ứng một trong hai điều kiện dưới đây:

- Có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trong thời gian ít nhất là 365 ngày tính từ ngày đăng ký tờ khai hải quan mà không có hành vi gian lận thương mại, trốn thuế, không nợ tiền thuế quá hạn, tiền phạt, chấp hành tốt chế độ báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Trường hợp không đáp ứng một trong hai điều kiện nêu trên thì người nộp thuế phải nộp thuế trước khi nhận hàng (**CV số 546/TCHQ-KTT ngày 27/01/2010**).

19. **Đăng ký danh mục miễn thuế:** Để được miễn thuế hàng hoá nhập khẩu của dự án khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế lần đầu cho cả dự án, từng giai đoạn thực hiện của dự án hoặc từng hạng mục công trình của dự án với Cục Hải quan nơi thực hiện dự án đầu tư.

Trong trường hợp doanh nghiệp ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ trong và ngoài nước để nhập khẩu thì khi các Nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hoá cung cấp cho Nhà thầu chính không phải nộp Danh mục hàng hoá miễn thuế mà sử dụng Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế của Nhà thầu chính để nhập khẩu và trừ lùi vào danh mục này. Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá nhập khẩu căn cứ vào hồ sơ doanh nghiệp nộp, hợp đồng cung cấp hàng hoá, đối chiếu với các qui định hiện hành để thực hiện việc miễn thuế cụ thể cho từng lô hàng.

Hết thời hạn thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá, Nhà thầu phụ có trách nhiệm quyết toán với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục miễn thuế nhập khẩu và thông báo cho Nhà thầu chính về số lượng, trị giá hàng hoá được miễn thuế nhập khẩu (**CV số 518/TCHQ-KTTT ngày 27/01/2010**).

20. **Giảm thuế nhập khẩu một số mặt hàng xăng, dầu**

Ngày 26/01/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 13/2010/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, mặt hàng nhiên liệu diesel dùng cho tốc độ cao, nhiên liệu đốt khác (thuộc phân nhóm 2710.19.71.00; 2710.19.72.00; 2710.19.79.00) chịu thuế suất thuế nhập khẩu là 15% thay cho mức thuế hiện hành là 20%.

Mặt hàng Kerosene (2710.19.16.00) cũng được giảm mức thuế nhập khẩu từ 30% xuống còn 20%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành và áp dụng đối với các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 01/2/2010

21. Miễn thuế nhập khẩu hàng quà tặng: Hàng hóa của tổ chức, cá nhân từ nước ngoài gửi tặng cho các tổ chức Việt Nam có giá trị không vượt quá ba mươi triệu đồng thì được miễn thuế xuất nhập khẩu. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết miễn thuế nhập khẩu là Cục hải quan địa phương nơi đơn vị làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa.

Trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng có giá trị trên ba mươi triệu đồng, mà đơn vị nhận hàng là cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng kinh phí ngân sách cấp phát, nếu được cơ quan chủ quản cấp trên cho phép tiếp nhận để sử dụng thì được xem xét miễn thuế nhập khẩu. Trường hợp này đơn vị tiếp nhận phải ghi tăng tài sản phần ngân sách cấp bao gồm cả thuế, trị giá lô hàng quà biếu, quà tặng và phải quản lý, sử dụng đúng mục đích được xét miễn (*CV số 148/TCHQ-KTTT ngày 11/01/2010*).

22. Thủ tục hải quan đối với hàng bán cho doanh nghiệp chế xuất: Doanh nghiệp chế xuất được mua văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn thực hiện hay không thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và hải quan đối với loại hình này (*CV số 7944/TCHQ-GSQL ngày 28/12/2009*).

23. Hướng dẫn miễn, giảm thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với tổn thất hàng hoá xuất khẩu: Ngày 18/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 237/2009/TT-BTC, hướng dẫn xử lý thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu, máy móc nhập khẩu theo hợp đồng gia công, sản xuất hàng xuất khẩu nhưng bị hư hỏng, tổn thất do nguyên nhân khách quan như: bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

Theo đó, đối tượng được miễn, giảm, không thu thuế NK, thuế GTGT quy định tại Thông tư này là nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu theo hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ đã thông quan và được cơ quan chức năng xác định rõ nguyên nhân thiệt hại, được cơ quan hải quan và cơ quan thuế kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán...

Nếu nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu bị thiệt hại toàn bộ, không còn giá trị sử dụng thì được miễn thuế NK, không thu thuế GTGT. Trường hợp nguyên liệu, máy móc bị thiệt hại một phần hoặc còn giá trị sử dụng thì được giảm thuế NK, thuế GTGT tương ứng với tỷ lệ tổn thất.

Trường hợp nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu bị thiệt hại có thực hiện bảo hiểm và được cơ quan bảo hiểm bồi thường thiệt hại bao gồm cả tiền thuế NK và thuế GTGT thì không được hưởng ưu đãi trên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2010.

24. Nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư Việt Nam tại nước ngoài: Ngày 19/01/2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 11/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Theo Thông tư này, hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức tạm xuất, tái nhập để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài, khi xuất khẩu thực hiện kê khai, nộp thuế xuất khẩu theo quy định, nếu tái nhập thì không phải nộp thuế nhập khẩu và được xét hoàn lại số thuế xuất khẩu đã nộp (nếu có) tương ứng với số hàng hóa thực tế đã tái nhập khẩu.

Hàng hóa là máy móc, thiết bị, bộ phận rời và vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu (trừ tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến thành sản phẩm khác) xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài được áp dụng thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%, được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức tạm xuất, tái nhập để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với doanh nghiệp ở nước ngoài được áp dụng theo hình thức tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu.

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư (nếu có), Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành, kể cả trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước nhận đầu tư.

Nhà đầu tư Việt Nam là hộ kinh doanh, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài hoặc làm việc cho các dự án đầu tư tại nước ngoài nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có), Luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 97/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài

KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. Hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên:

Ngày 24/05/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 79/2010/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên

Các đơn vị phải chuyển đổi theo Theo Thông tư này gồm DNNN độc lập; DNNN là công ty mẹ tập đoàn kinh tế; công ty mẹ trong tổng công ty; công ty mẹ trong tổng công ty thuộc tập đoàn kinh tế; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - con; DN thành viên hạch toán độc lập của tổng công ty, tập đoàn kinh tế; đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc tổng công ty, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty...

Các đối tượng trên có trách nhiệm kiểm kê tài sản, nguồn vốn và quỹ hiện có, lập báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2009 để xây dựng đề án chuyển đổi và ghi vào quyết định chuyển đổi.

Doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hoá nhưng chưa triển khai thực hiện cổ phần hoá hoặc đang thực hiện theo trình tự, thủ tục chuyển đổi thành công ty cổ phần, nhưng đến ngày 1/7/2010 chưa có quyết định xác định giá trị doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền thì khi chuyển đổi sang công ty TNHH không phải lập phương án và thực hiện xử lý tài sản, tài chính, sắp xếp lại lao động, sử dụng đất.

Bộ Tài chính nghiêm cấm các hành vi lợi dụng thẩm quyền của đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để xử lý những vấn đề tồn tại tài chính chung cho cả tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước khi chuyển đổi đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Vốn điều lệ của các công ty TNHH được chuyển đổi từ đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổng công ty, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty được xác định trong phương án chuyển đổi nhưng phải đảm bảo cho công ty hoạt động bình thường theo quy mô, công suất thiết kế. Chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn cho doanh nghiệp theo phương án xác định vốn điều lệ trước thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển đổi thành công ty TNHH.

Bộ Tài chính cũng khống chế mức trần chi phí chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH. Cụ thể, đối với công ty chuyển đổi có tổng giá trị tài sản dưới 50 tỷ đồng được chi tối đa không quá 50 triệu đồng; công ty có tổng giá trị tài sản từ 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng được chi không quá 100 triệu đồng; công ty có tổng giá trị tài sản trên 100 tỷ đồng được chi không quá 150 triệu đồng.

Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp chuyển đổi có quy mô lớn, phức tạp, chi phí cần thiết cho quá trình chuyển đổi vượt mức khống chế tối đa thì cơ quan quyết định chuyển đổi chủ động xem xét, quyết định nhưng không quá 200 triệu đồng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 25/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và thay thế Thông tư số 25/2007/TT-BTC ngày 2/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Quy định mới về sử dụng hoá đơn: Ngày 14/05/2010, Chính phủ đã ban hành NĐ số 51/2010/NĐ-CP, quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân kinh doanh có thể đồng thời cùng lúc sử dụng nhiều hình thức hóa đơn khác nhau.

Trường hợp bán hàng hoá, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu nhận hóa đơn. Trường hợp bán hàng qua mạng, qua điện thoại; bán hàng hoá, dịch vụ cùng một lúc cho nhiều người, khi lập hoá đơn người bán hoặc người mua không cần phải ký tên theo quy định của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao; doanh nghiệp có mức vốn điều lệ theo quy định của Bộ Tài chính; các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật được tự in hóa đơn kể từ khi có mã số thuế.

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh khác chỉ được tự in hóa đơn để sử dụng cho việc bán hàng hóa, dịch vụ nếu có đủ các điều kiện: Đã được cấp mã số thuế; có doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ; không bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật về thuế trong 365 ngày liên tục tính đến ngày thông báo phát hành hóa đơn tự in;

...

Một hình thức mới được Nhà nước khuyến khích sử dụng là hoá đơn điện tử: được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hoá, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các bên theo quy định của pháp luật về giao dịch Điện tử.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh có mã số thuế nhưng không đủ điều kiện được tự in hóa đơn hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử thì phải đặt in hóa đơn do Cục thuế phát hành.

Ngoài ra, ND cũng quy định cụ thể về các vi phạm trong việc lập và sử dụng hoá đơn.

Nếu tự in hóa đơn giả, hoặc khởi tạo hóa đơn điện tử giả sẽ bị phạt từ 20-100 triệu đồng, đồng thời bị phạt đình chỉ quyền tự in hóa đơn và quyền khởi tạo hóa đơn điện tử trong thời hạn 36 tháng, kể từ khi hành vi bị phát hiện. Mức phạt cao nhất này cũng được áp dụng đối với các hành vi: Đặt in hóa đơn giả, in hóa đơn giả, lập hóa đơn khống, sử dụng hóa đơn lập khống.

Khi phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.

ND này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2011 và thay thế ND số 89/2002/ND-CP ngày 07/11/2002.

3. [Xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết:](#) Ngày 22/04/2010, Bộ Tài chính đã ban hành TT số 66/2010/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết.

Theo đó, đối tượng áp dụng TT này là tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (sau đây gọi là doanh nghiệp) thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết, có nghĩa vụ kê khai, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Các phương pháp xác định giá thị trường của sản phẩm trong giao dịch liên kết được quy định cụ thể bao gồm: Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập; phương pháp giá bán lại; phương pháp giá vốn cộng lãi; phương pháp so sánh lợi nhuận; phương pháp tách lợi nhuận. Tùy theo mỗi phương pháp cụ thể giá thị trường của sản phẩm có thể được tính trực tiếp ra đơn giá sản phẩm hoặc gián tiếp thông qua tỷ suất lợi nhuận gộp hoặc tỷ suất sinh lời của sản phẩm. Đối với các phương pháp tính giá gián tiếp, khi xác định kết quả kinh doanh cho mục đích kê khai, tính thuế thu nhập doanh nghiệp thì không nhất thiết phải tính ra đơn giá sản phẩm cụ thể.

Các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được dùng làm căn cứ khi phân tích so sánh phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để cơ quan thuế có thể kiểm tra, xác minh. Các doanh nghiệp có giao dịch liên kết có nghĩa vụ và trách nhiệm lưu giữ thông tin, tài liệu và chứng từ làm căn cứ áp dụng phương pháp xác định giá thị trường đối với sản phẩm trong các giao dịch liên kết và xuất trình theo yêu cầu kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế.

TT này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/06/2010, bãi bỏ TT số 117/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 và Quyết định số 37/QĐ-BTC ngày 04/01/2006.

4. [Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên:](#) Ngày 19/3/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 25/2010/NĐ-CP về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Theo đó, có 05 đối tượng được chuyển đổi theo Nghị định này. Bao gồm: Công ty nhà nước độc lập; Công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế nhà nước/trong tổng công ty nhà nước/ trong tổng công ty thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước/ trong mô hình công ty mẹ - công ty con; Công ty thành viên hạch toán độc lập của tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế nhà nước; Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước; Công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh.

Nhà nước là chủ sở hữu đối với công ty TNHH 1 thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ và Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với các công ty này. Mỗi công ty TNHH 1 thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước hoặc thành lập mới chỉ do một tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu.

Các cơ quan quản lý nhà nước không được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu thì chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công ty TNHH 1 thành viên trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

Về chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng, Nghị định quy định rõ, hàng tháng, các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng được tạm ứng 70% số tiền lương tạm tính của tháng đó, số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Trường hợp kết quả xếp loại DN và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Hội đồng thành viên và từng thành viên Hội đồng thành viên, cũng như các đối tượng nêu trên không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương (đối với các đối tượng hưởng lương) và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/05/2010 và thay thế Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006.

5. Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp: Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC (Thông tư 244) ngày 31/12/2009 về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước. Đối với nhà thầu nước ngoài, có cơ sở cư trú tại Việt Nam phải thực hiện kế toán theo quy định của Luật kế toán; Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Các nội dung hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán theo Thông tư 244 có một số điểm đáng chú ý sau:

- Doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài (gọi tắt là doanh nghiệp) thu chi chủ yếu bằng ngoại tệ căn cứ vào quy định của Luật kế toán, để xem xét, quyết định lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán và chịu trách nhiệm về quyết định đó trước pháp luật đồng thời phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.
- Khi sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ trong kế toán thì đồng thời với việc lập Báo cáo tài chính theo đơn vị tiền tệ trong kế toán (ngoại tệ) còn phải quy đổi báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam khi nộp cho cơ quan quản lý nhà nước. Việc quy đổi được thực hiện theo nguyên tắc tất cả các khoản mục trên báo cáo tài chính đều được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán không có tỷ giá bình quân liên ngân hàng thì lấy tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Trường hợp nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền cho công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và công ty cổ phần.
- Thông tư 244 còn hướng dẫn kế toán đối với chi phí phát hành cổ phiếu; kế toán tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty cổ phần; kế toán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu dùng nội bộ; kế toán đối với một số giao dịch giữa bên góp vốn liên doanh và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát... Đáng chú ý là Thông tư 244 đã bổ sung và sửa đổi nội dung hạch toán của một số tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán và một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Chế độ kế toán đơn vị xây lắp ban hành theo Quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998, các quy định về kế toán đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn nước ngoài tại Thông tư số 55/2002/TT-BTC ngày 26/06/2002 và Thông tư số 122/2004/TT-BTC ngày 22/12/2004 không còn hiệu lực áp dụng.

LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. Mua cổ phần ưu đãi giảm giá: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước với giá ưu đãi. Trường hợp người lao động do Tổng công ty cử làm đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp góp vốn không có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa nên không được hưởng chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi theo quy định. **(CV số 2011/LĐTBXH-LĐTL ngày 21/06/2010)**
2. Quy định về tiền lương đối với chuyên gia tư vấn gói thầu trong nước

Ngày 10/6/2010, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH, quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước.

Theo đó, các mức lương quy định tại Thông tư này áp dụng đối với chuyên gia tư vấn trong nước có trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành tư vấn. Mức cao nhất không quá 20 triệu đồng/người/tháng đối với chuyên gia có kinh nghiệm chuyên ngành tư vấn trên 15 năm. Mức 2 không quá 20 triệu đồng/người/tháng áp dụng đối với chuyên gia có kinh nghiệm chuyên ngành tư vấn từ 10 đến 15 năm. Mức 3 không quá 10 triệu đồng/người/tháng áp dụng với chuyên gia có kinh nghiệm chuyên ngành tư vấn từ 5 đến 10 năm và mức 4 không quá 5 triệu đồng/người/tháng áp dụng đối với chuyên gia có kinh nghiệm chuyên ngành tư vấn từ 3 đến 5 năm.

Mức lương trên là mức chi trọn gói, đã bao gồm cả các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các loại thuế theo quy định hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2010

3. Chính sách lao động dôi dư: Đối với những doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa nhưng chưa thực hiện được trước ngày 1/7/2010 thì khi tạm chuyển sang công ty TNHH một thành viên, doanh nghiệp không phải sắp xếp lại lao động, do đó, không thực hiện chế độ lao động dôi dư theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP. **(CV 1707/LĐTBXH-LĐTL ngày 31/05/2010)**

4. Xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động: Ngày 6 tháng 5 năm 2010, Chính phủ đã ban hành **NĐ số 47/2010/NĐ-CP** quy định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động.

Theo đó, các mức phạt hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật lao động tăng lên đáng kể. Cụ thể, mức phạt tiền tối đa đối sẽ tăng từ 20 triệu đồng (quy định cũ) lên 30 triệu đồng.

- Phạt tiền từ 300 nghìn đồng đến 3 triệu đồng đối với người sử dụng lao động không công bố danh sách người lao động bị thôi việc hay không trao đổi với BCH Công đoàn cơ sở hoặc BCH Công đoàn lâm thời khi cho người lao động thôi việc, không thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở về nhu cầu tuyển dụng lao động ít nhất 7 ngày trước khi nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của người lao động.
- Phạt tiền từ 200 nghìn đồng đến 30 triệu đồng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có 1 trong những hành vi như: không trả hoặc trả không đầy đủ tiền trợ cấp mất việc làm cho người lao động; thu phí giới thiệu việc làm cao hơn mức quy định (tùy theo số người lao động bị vi phạm).
- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300 nghìn đồng đến 3 triệu đồng đối với người sử dụng lao động không thực hiện các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động theo quy định của pháp luật hoặc khấu trừ tiền lương của người lao động mà không thảo luận với BCH Công đoàn cơ sở, BCH Công đoàn lâm thời (nếu có).
- Phạt tiền từ 2 triệu đến 10 triệu đồng đối với trường hợp không trả lương đầy đủ, đúng thời hạn cho người lao động; trả chậm lương nhưng không đền bù; không trả lương cho người lao động trong thời gian nghỉ việc để điều trị vì tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; không đăng ký thang lương, bảng lương với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh; không công bố công khai thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế thưởng trong doanh nghiệp.

Đặc biệt, trường hợp người sử dụng lao động khấu trừ tiền lương của người lao động nhưng không cho người lao động biết lý do hoặc khấu trừ quá 30% tiền lương hàng tháng của người lao động; không trả đủ tiền lương cho người lao động trong những trường hợp phải ngừng việc do lỗi của người sử dụng lao động... sẽ bị phạt mức tối đa đến 30 triệu đồng.

- Đối với người lao động có hành vi tham gia đình công sau khi có quyết định hoãn hoặc ngừng đình công của Thủ tướng Chính phủ hoặc có hành vi làm tổn hại máy, thiết bị, tài sản doanh nghiệp... sẽ bị phạt từ 300 nghìn đồng đến 2 triệu.
- Đối với các hành vi cản trở việc thực hiện quyền đình công hoặc kích động, lôi kéo, ép buộc người lao động đình công hay hành vi trù dập, trả thù đối với người lao động tham gia đình công, người lãnh đạo đình công có thể bị phạt tiền từ 15 đến 30 triệu đồng.

NĐ có hiệu lực thi hành từ ngày 25/6/2010, thay thế NĐ số 113/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ.

5. Quyết định đình mức phụ cấp lương: Doanh nghiệp có quyền tự xây dựng các khoản phụ cấp lương hoặc áp dụng trực tiếp quy định đối với doanh nghiệp nhà nước để thu hút hoặc khuyến khích người lao động làm nghề, công việc đòi hỏi trách nhiệm cao hoặc làm việc trong điều kiện, môi trường độc hại, nguy hiểm hơn. Lưu ý rằng, trong trường hợp áp dụng quy định của Nhà nước, doanh nghiệp phải tuân thủ triệt để. Ngoài ra, chế độ phụ cấp được áp dụng cũng cần đăng ký cùng với hệ thống thang, bảng lương. (**CV số 1034/LĐTBXH-LĐTL ngày 26/04/2010**).

6. Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu và trợ cấp: Ngày 20/04/2010, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành **TT số 15/2010/TT-BLĐTBXH**, hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo **NĐ số 29/2010/NĐ-CP** ngày 25/03/2010 và **NĐ số 28/2010/NĐ-CP** ngày 25/3/2010 của Chính phủ.

Theo đó, người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị xong ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa (đối với trường hợp không điều trị nội trú) trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2009 đến 30/4/2010 mà chưa được giải quyết chế độ thì mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vẫn tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa; từ ngày 01/5/2010, mức trợ cấp của đối tượng này bằng mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 4/2010 nhân với 1,123; đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang hưởng trợ cấp phục vụ, thì từ ngày 01/5/2010, mức trợ cấp phục vụ hàng tháng được tính theo mức lương tối thiểu chung 730.000 đồng/tháng.

Người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định mà từ ngày 01/5/2010 trở đi còn thời hạn hưởng trợ cấp thì mức trợ cấp của thời gian được hưởng còn lại được tính theo mức lương tối thiểu chung 730.000 đồng/tháng. Người đang hưởng lương hưu mà sống cô đơn theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 812/TTg ngày 12/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ, nếu mức lương hưu điều chỉnh theo TT này thấp hơn 1.095.000 đồng/tháng, thì từ ngày 01/5/2010 được điều chỉnh bằng 1.095.000 đồng/tháng.

TT này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/06/2010; các chế độ quy định tại TT này được thực hiện kể từ ngày 01/5/2010.

7. **Áp dụng mức lương tối thiểu vùng:** Doanh nghiệp trước đây là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nay chuyển toàn bộ vốn của nhà đầu tư nước ngoài cho các nhà đầu tư trong nước thì thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ. Tuy nhiên việc doanh nghiệp thay đổi lại mức lương tối thiểu vùng để tính các mức lương trong thang lương, bảng lương thì phải thỏa thuận với người lao động để sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và phải có ý kiến của tổ chức công đoàn theo quy định (**CV số 1338/LĐTBXH-LĐTL ngày 28/4/2010**).
8. **Hướng dẫn về lương tối thiểu chung trong công ty nhà nước:** Theo Thông tư số 06/2010/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2010 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty nhà nước và công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ (công ty), công ty áp dụng mức lương tối thiểu chung 730.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/5/2010 để tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương, mức phụ cấp lương và thực hiện một số chế độ khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ mức lương tối thiểu chung và hệ số lương trong các thang lương, bảng lương, phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, công ty tính lại mức lương, phụ cấp lương làm cơ sở đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tiền lương ngừng việc; nghỉ ngày lễ; nghỉ hàng năm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Đối với người lao động dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động, nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước, thì trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc trong khu vực nhà nước từ ngày 01/5/2010 trở đi và trợ cấp đi tìm việc làm được tính theo mức lương tối thiểu chung 730.000 đồng/tháng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Thông tư số 10/2009/TT-BLĐTBXH ngày 24/4/2009 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty nhà nước và công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và điểm a, khoản 3, Điều 3 Thông tư số 35/2009/TT-BLĐTBXH ngày 13/11/2009 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ
9. **Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động:** BHXH vừa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện một số vướng mắc về chế độ chính sách BHXH. Theo đó, trong trường hợp người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà trong hồ sơ không đủ căn cứ xác định được thời điểm điều trị xong, ra viện do trong giấy ra viện còn có chỉ định như hen khám lại, tháo bột, tháo nẹp, tháo vít... thì thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng của họ sẽ được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa. (**CV số 1188/BHXH-CSXH ngày 16/04/2010**).
10. **Tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội:** Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm là mức tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung tại thời điểm đóng. Người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động (**CV số 957/LĐTBXH-BHX ngày 31/3/2010**).
11. **Tăng mức lương tối thiểu chung:** Ngày 25/03/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2010/NĐ-CP, quy định mức lương tối thiểu chung.

Theo đó, Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung là 730.000 đồng/tháng áp dụng từ ngày 01/05/2010, thay thế cho mức lương 650.000 đồng/tháng hiện đang áp dụng.

Mức lương mới này được áp dụng đối với 4 loại hình cơ quan, đơn vị, tổ chức, bao gồm: Cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; công ty được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu mới này được dùng làm cơ sở để tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương, mức phụ cấp lương và thực hiện một số chế độ khác theo quy định của pháp luật... Đồng thời, cũng được dùng để tính trợ cấp kể từ ngày 1/5/2010 trở đi đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước theo Nghị định 110/2007/NĐ-CP.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/5/2010 và bãi bỏ Nghị định số 33/2009/NĐ-CP ngày 06/4/2009, thay thế khoản 1 Điều 3 Nghị định số 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009.
12. **Tăng cường quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam:** Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đề nghị các Sở ban ngành và các cơ quan có liên quan tập trung chỉ đạo thực hiện việc quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Theo đó, các cơ quan, đơn vị nói trên sẽ tập trung vào việc kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn, trong đó tập trung vào việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về tuyển dụng, cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động. Khi kiểm tra, thanh tra nếu phát hiện các trường hợp vi phạm (đặc biệt là các nhà

thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam) thì kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện làm việc tại Việt Nam thì buộc xuất cảnh hoặc trục xuất theo quy định của pháp luật (*CV số 828/BLĐTBXH-VL ngày 22/03/2010*).

13. Quy định mức phí cấp thẻ bảo hiểm y tế

Ngày 03/02/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 19/2009/TT-BTC, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp lại và đổi thẻ bảo hiểm y tế.

Theo đó, phí cấp lại thẻ bảo hiểm y tế là 4.000 đồng/thẻ; phí đổi thẻ bảo hiểm y tế là 2.000 đồng/thẻ.

Không thu phí đối với trường hợp đổi thẻ do thay đổi nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu hoặc có sai sót về thông tin ghi trên thẻ do cơ quan đơn vị lập danh sách người tham gia bảo hiểm gây ra.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/03/2010

14. Hướng dẫn mức điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội

Ngày 29/01/2010, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 04/2010/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương, tiền công và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

Theo đó, có hai đối tượng áp dụng mức điều chỉnh tiền lương, tiền công đã đóng bảo hiểm xã hội theo thông tư này. Đó là: (1) người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần, từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010; (2) người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần, từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010.

Mức điều chỉnh tiền lương, tiền công đã đóng BHXH đối với nhóm đối tượng (1) cao nhất là 2,72 (trước năm 1995) và thấp nhất là 1,07 (năm 2008); với nhóm đối tượng (2) là 1,07 (năm 2008).

Năm 2009, 2010 không điều chỉnh tiền lương, tiền công đã đóng BHXH đối với các nhóm đối tượng trên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/03/2010; các quy định tại Thông tư này áp dụng kể từ ngày 01/01/2010

15. Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước: Ngày 30/12/2009, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 42/2009/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Theo đó, khi thực hiện bán, giao, doanh nghiệp phải xây dựng phương án sắp xếp số lao động hiện có. Việc lập danh sách lao động trong phương án sắp xếp lao động phải được thực hiện tại thời điểm công bố giá khởi điểm doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thực hiện bán và tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giao doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thực hiện giao.

Những người có tên trong danh sách thường xuyên (có hưởng lương, có đóng BHXH) của doanh nghiệp thực hiện bán, giao tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chia số dư bằng tiền (nếu có) của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo tổng số năm làm việc thực tế của người lao động.

Trong doanh nghiệp nhận giao thì người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp được hưởng quyền sở hữu doanh nghiệp, tính theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (tính cộng dồn). Người lao động được đảm bảo việc làm tối thiểu là ba năm, kể từ ngày nhận giao doanh nghiệp, trừ trường hợp người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động.

Trường hợp doanh nghiệp sau khi giao cho tập thể người lao động lâm vào tình trạng phá sản, thực hiện phá sản thì chế độ, quyền lợi đối với người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/02/2010 và bãi bỏ Thông tư số 29/2005/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2005.

16. Hướng dẫn bổ sung một số chế độ bảo hiểm xã hội: Ngày 30/12/2009, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 41/2009/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Theo đó, thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con là 5 tháng áp dụng đối với lao động nữ làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm kể cả lao động làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ có thời gian làm việc từ đủ 6 tháng trở lên ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên, trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con. Thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ

thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, thì cả người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) trong tháng đó nhưng vẫn được tính là thời gian có đóng BHXH.

Trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà sau đó không xác định được thời điểm điều trị xong, ra viện (trong giấy ra viện còn có chỉ định hẹn khám lại; tháo bột; tháo nẹp; tháo vít) thì thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa. Người lao động vừa có thời gian đóng BHXH tự nguyện, vừa có thời gian đóng BHXH bắt buộc thì thời gian đóng BHXH tự nguyện không được tính hưởng chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Đối với người tham gia BHXH bắt buộc trước đó đã tham gia BHXH tự nguyện và bảo lưu thời gian đóng BHXH tự nguyện, thì thời gian làm cơ sở tính hưởng chế độ hưu trí là tổng thời gian đã đóng BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/02/2010.

NGÂN HÀNG

1. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay của tổ chức tài chính quy mô nhỏ: Ngày 16/6/2010, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành Thông tư 15/2010/TT-NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ (TCQMN).

Theo đó, tổ chức TCQMN hoạt động tại Việt Nam phải thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của mình. Ít nhất mỗi quý một lần, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu quý tiếp theo, tổ chức TCQMN thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của quý trước. Riêng đối với Quý IV, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng 12, tổ chức TCQMN thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối ngày 30 tháng 11.

Đối với các khoản cho vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác của Bên thứ ba mà Bên thứ ba cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm xử lý rủi ro khi xảy ra rủi ro thì tổ chức TCQMN không phải trích lập dự phòng rủi ro nhưng phải phân loại nợ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Về phân loại nợ và trích lập dự phòng, Thông tư quy định cụ thể về 5 nhóm nợ (gồm nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ mất vốn và nợ có khả năng mất vốn) và tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng với mỗi nhóm; qua đó tổ chức TCQMN tính số tiền dự phòng cụ thể đối với từng khoản nợ dựa trên công thức đã được quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Thông tư 15. Các tổ chức TCQMN được yêu cầu phải trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,5% dư nợ gốc của toàn bộ các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư này.

Ngoài ra, Thông tư quy định cụ thể về sử dụng dự phòng; thành lập và nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro; hồ sơ để làm căn cứ cho việc xử lý rủi ro cho vay; hạch toán và báo cáo việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; nhiệm vụ kiểm tra của NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), cũng như các trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký

2. Tỷ lệ an toàn vốn ngân hàng: Ngày 20/05/2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành TT số 13/2010/TT-NHNN, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Theo đó, Tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro của Tổ chức tín dụng (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ). Tổ chức tín dụng phải đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của Tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc (tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất) và phải thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

TT cũng quy định, tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho công ty trực thuộc là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán; không được cho vay không có bảo đảm để đầu tư, kinh doanh chứng khoán; tổng dư nợ cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá đối với tất cả khách hàng nhằm đầu tư, kinh doanh chứng khoán không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

TT này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2010, thay thế Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005, Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19/01/2007, Quyết định số 34/2008/QĐ-NHNN ngày 05/12/2008, khoản 1 và 2 Điều 4 Quyết định số 03/2008/QĐ-NHNN ngày 01/02/2008.

3. Quy định về thành lập ngân hàng thương mại cổ phần: Ngày 26/03/2010, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 09/2010/TT-NHNN quy định về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân không được dùng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn thành lập ngân hàng và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

Một ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) muốn thành lập và hoạt động phải đảm bảo 5 tiêu chí: vốn điều lệ, số lượng cổ đông, tỷ lệ sở hữu số vốn điều lệ, cách thức tổ chức và các vấn đề liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Cụ thể, ngân hàng phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật tại thời điểm thành lập; vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam; nguồn vốn góp thành lập ngân hàng phải tuân thủ những điều kiện cụ thể; phải có tối thiểu 100 cổ đông tham gia góp vốn thành lập ngân hàng, trong đó có tối thiểu 3 cổ đông sáng lập là tổ chức có tư cách pháp nhân (các cổ đông phải có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng); các cổ đông sáng lập (là cá nhân, tổ chức) phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng, đồng thời các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập; ngân hàng phải có điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; ...

Trong thời gian 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng số cổ phần phổ thông trong tổng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng của mình cho các cổ đông sáng lập khác của ngân hàng và không được chuyển nhượng số cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác; ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày ngân hàng được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Đối với cổ đông không phải là cổ đông sáng lập, trong thời gian 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chỉ được chuyển nhượng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng cho cổ đông khác trong danh sách cổ đông của ngân hàng tại thời điểm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có hiệu lực.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/5/2010 và bãi bỏ Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 và Quyết định số 46/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007.

4. **Hướng dẫn cho vay theo lãi suất thỏa thuận:** Ngày 14/04/2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận

Theo đó, các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.

Các tổ chức tín dụng phải niêm yết công khai lãi suất cho vay ở mức hợp lý, trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng vay, tiết kiệm chi phí hoạt động, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận vốn vay để phát triển sản xuất - kinh doanh, nhất là khu vực nông nghiệp và nông thôn, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/05/2010; thay thế Thông tư số 07/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 và các quy định về lãi suất cho vay theo Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 và Quyết định số 33/2008/QĐ-NHNN ngày 03/12/2008.

5. **Kiểm soát đặc biệt đối với Tổ chức tín dụng:** Ngày 22/3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Thông tư số 08/2010/TT-NHNN quy định về việc kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng (TCTD).

Theo đó, TCTD có thể bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong những trường hợp sau:

- Có nguy cơ mất khả năng chi trả, được biểu hiện cụ thể như ba lần liên tiếp không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu bằng 1 giữa tổng tài sản "Có" có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian 7 ngày tiếp theo và tổng tài sản "Nợ" phải thanh toán ngay trong thời gian 7 ngày tiếp theo đối với từng loại đồng tiền, vàng;
- Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ mất khả năng thanh toán, được biểu hiện: Nợ xấu chiếm từ 10% trở lên so với tổng dư nợ cho vay hoặc từ 100% tổng vốn tự có trở lên trong vòng 3 tháng liên tiếp
- TCTD có số lỗ lũy kế của TCTD lớn hơn 50% tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ.

Trong quá trình quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động hoặc qua báo cáo của TCTD, nếu thấy TCTD lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng hoặc các trường hợp khác dẫn đến tình trạng TCTD hoạt động không an toàn thì Thống đốc NHNN có quyền áp dụng các biện pháp giám sát đặc biệt đối với TCTD đó.

TCTD khi bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt phải có văn bản báo cáo NHNN trong đó nêu rõ thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng hoặc dự kiến áp dụng để khắc phục; thiết lập kênh thông tin chính xác, đầy đủ, cập nhật, đảm bảo hoạt động thông suốt với Ban kiểm soát đặc biệt trong thời gian kiểm soát đặc biệt TCTD; về phía Ban lãnh đạo của TCTD cần phải có phương án tiết kiệm chi phí để hạn chế tổn thất về tài chính cũng như xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động trình ban kiểm soát đặc biệt thông qua đồng thời phải làm việc thường xuyên tại TCTD để triển khai thực hiện phương án củng cố tổ chức và hoạt động. Trong thời gian chịu kiểm soát đặc biệt, NHNN cũng nghiêm cấm TCTD cho phép chuyển nhượng cổ phần đối với TCTD cổ phần; chia cổ tức; cắt dấu, tẩu tán, cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng hoặc có bất cứ giao dịch nào liên quan đối với tài sản và các tài liệu, hồ sơ liên quan.

Thời gian kiểm soát đặc biệt tối đa là 02 năm kể từ ngày Quyết định đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt của Thống đốc NHNN có hiệu lực. Khi TCTD hết hạn kiểm soát đặc biệt mà không được gia hạn; hoặc TCTD đã khắc phục hoặc không khắc phục được nguyên nhân đặt vào kiểm soát đặc biệt; hoặc trước khi kết thúc thời hạn kiểm soát đặc biệt, TCTD tổ chức lại theo các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành thì Thống đốc NHNN sẽ ra Quyết định chấm dứt việc kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06/5/2010, thay thế quyết định số 215/1998/QĐ-NHNN ngày 23/6/1998 ban hành Quy chế kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng cổ phần Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

6. Cho vay trung và dài hạn theo lãi suất thỏa thuận: Ngày 26/02/2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 07/2010/TT-NHNN, quy định về cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Theo đó, việc cho vay trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển sẽ được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận.

Đồng thời, việc cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn để trực tiếp phục vụ đời sống của cá nhân và hộ gia đình của khách hàng vay, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng như cho vay để sửa chữa nhà và mua nhà để ở mà nguồn trả nợ bằng tiền lương của khách hàng; cho vay để mua đồ dùng và trang thiết bị gia đình, cho vay để chi phí cho hoạt động văn hóa thể thao, du lịch... cũng được áp dụng lãi suất thỏa thuận.

NHNN yêu cầu tổ chức tín dụng phải xác định và kiểm soát các giới hạn tín dụng đối với khách hàng và lĩnh vực cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và các tỷ lệ bảo đảm an toàn, điều kiện hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các quy định khác về lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng tại Thông tư số 01/2009/TT-NHNN, quy định về lãi suất đối với các khoản vay trung, dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh tại Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN hết hiệu lực thi hành.

7. Quy định về áp dụng luật phá sản đối với tổ chức tín dụng: Ngày 18/01/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2010/NĐ-CP quy định về việc áp dụng luật phá sản đối với tổ chức tín dụng. Theo đó, tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu, sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng kiểm soát đặc biệt thì được coi là lâm vào tình trạng phá sản.

Những người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gồm: Chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần của tổ chức tín dụng; Người lao động làm việc trong tổ chức tín dụng; chủ sở hữu của tổ chức tín dụng Nhà nước, cổ đông của tổ chức tín dụng cổ phần.

Đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi nhận thấy tổ chức mình lâm vào tình trạng phá sản. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, mọi hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phải chịu sự giám sát, kiểm tra của Thẩm phán và Tổ quản lý, thanh lý tài sản.

Kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, nghiêm cấm tổ chức tín dụng thực hiện các hoạt động như: Cất giấu, tẩu tán tài sản; thanh toán nợ không có bảo đảm; từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp.

Khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, các hoạt động của tổ chức tín dụng như cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán, tặng cho, cho thuê tài sản; vay tiền; bán, chuyển đổi cổ phần; thanh toán các khoản nợ mới phát sinh và trả lương cho người lao động phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán tòa án thực hiện thủ tục phá sản trước khi thực hiện.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2010.

8. Hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung và dài hạn: Ngày 31/12/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 27/2009/TT-NHNN, quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng trong năm 2010 để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh.

Theo đó, các khoản cho vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 1/1/2010 đến hết ngày 31/12/2010 dành cho 5 nhóm ngành của hệ thống kinh tế quốc dân, bao gồm: nông, lâm nghiệp; thủy sản; công nghiệp chế biến; hoạt động khoa học công nghệ; hoạt động thu mua và kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản, muối...

Mức hỗ trợ lãi suất được áp dụng là 2%/năm, tính trên số tiền vay và thời gian vay thực tế. Các khoản vay được hỗ trợ lãi suất là những hợp đồng tín dụng được ký kết trước và sau ngày 1/1/2010 nhưng phải có thời hạn giải ngân (một hoặc nhiều lần) trước ngày 31/12/2010. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, tính từ thời điểm giải ngân.

Khách hàng vay vốn có số dư tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (TCTD) thì khi ký kết hợp đồng tín dụng, các TCTD phải tính toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi là vốn tự có của khách hàng vay và mức vốn cho

vay phải loại trừ số dư tài khoản tiền gửi này. Tương tự, với các khoản vay được cầm cố bằng giấy tờ có giá thì những giấy tờ này cũng được tính là vốn tự có của khách hàng, vốn vay hỗ trợ lãi suất phải loại trừ giá trị các giấy tờ này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

9. Mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, xuất khẩu: Ngày 25/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 3280/QĐ-BTC, công bố lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư.

Theo đó, Bộ Tài chính quy định, lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước bằng đồng Việt Nam là 9,6%/năm, bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi là 6,0%/năm; thay thế mức lãi suất hiện hành tương ứng là 6,9%/năm và 5,4%/năm.

Ngoài ra, mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư đối với dự án vay vốn cũng được điều chỉnh tăng lên: bằng đồng Việt Nam là 2,2%/năm (mức cũ là 2,1%/năm) và bằng ngoại tệ là 0,7%/năm (mức cũ là 0,6%/năm).

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010 và thay thế Quyết định số 291/QĐ-BTC ngày 12/02/2009.

CHỨNG KHOÁN

1. Sửa đổi Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán: Ngày 25/03/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2010/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo đó, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được đổi tên thành Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Ngoài ra, Thông tư cũng sửa đổi một số quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán được điều chỉnh trong Quyết định 87/2007/QĐ-BTC.

Cụ thể, một công ty chứng khoán hoặc ngân hàng thương mại muốn trở thành thành viên lưu ký của VSD phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, có thành viên Ban Giám đốc phụ trách lưu ký... Đơn vị này còn phải có hệ thống kết nối với cổng giao tiếp điện tử và phần mềm quản lý đáp ứng được yêu cầu của VSD.

Thay vì quản lý theo mô hình 2 cấp trước đây (tại công ty chứng khoán và tại VSD), hoạt động lưu ký chứng khoán sẽ được thực hiện theo nguyên tắc: khách hàng lưu ký tại thành viên lưu ký và các đơn vị này sẽ tái lưu ký tại VSD. Tổng số dư và số dư chi tiết trên các tài khoản chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký phải luôn khớp với số dư và số liệu sở hữu của khách hàng đó tại VSD.

Thành viên lưu ký có trách nhiệm cập nhật hàng ngày thông tin mở, đóng tài khoản của nhà đầu tư thực hiện trong ngày tại thành viên lưu ký cho VSD và thực hiện đối chiếu thông tin số dư tài khoản lưu ký của từng khách hàng với số liệu sở hữu chứng khoán tại VSD. Những điều chỉnh này giúp VSD có thể quản lý tách bạch tài khoản của công ty chứng khoán với tài khoản của nhà đầu tư.

Với các thành viên mất khả năng thanh toán giao dịch, thành viên (hoặc khách hàng thành viên) bán khống chứng khoán khi chưa có hướng dẫn của Bộ Tài chính, vi phạm quy chế về cập nhật thông tin tài khoản, VSD có quyền hủy thanh toán giao dịch.

Về điều kiện đối với ngân hàng thanh toán, mức vốn điều lệ thực góp tối thiểu được nâng từ 3.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. Ngân hàng này phải có ít nhất 10 thành viên của VSD cam kết đăng ký mở tài khoản thanh toán giao dịch chứng khoán sau khi được chấp thuận và không được từ chối khi thành viên của VSD đề nghị sử dụng dịch vụ Ngân hàng thanh toán. Hệ thống của ngân hàng phải có khả năng giữ số liệu thông tin thanh toán trong vòng ít nhất 1 năm và có thể cung cấp ngay cho SSC hoặc VSD trong vòng 1 ngày khi có yêu cầu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/05/2010

2. Cơ chế tài chính của Sở giao dịch và Trung tâm lưu ký chứng khoán: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2010/TT-BTC ngày 04/3/2010 của Bộ Tài chính về cơ chế quản lý tài chính đối với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký được quyền quản lý và sử dụng vốn Nhà nước đã đầu tư và các loại nguồn vốn hợp pháp khác theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo quyền lợi của những người liên quan như các thành viên của công ty, người lao động theo các hợp đồng và điều khoản đã cam kết. Trong trường hợp cần thiết, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký được phép huy động vốn để phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thị trường chứng khoán. Việc huy động vốn không được làm thay đổi hình thức sở hữu và phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ (Hội đồng quản trị báo cáo cơ quan chủ sở hữu là Bộ Tài chính xem xét, quyết định phương án huy động vốn). Đồng thời, các cơ quan này được đầu tư, góp vốn với các tổ chức kinh tế nhằm mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán và chỉ trong các lĩnh vực: cung cấp các dịch vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thị trường chứng khoán, dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính quyết định các phương án đầu tư, góp vốn kinh doanh).

Trong trường hợp cần thiết, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký được cho thuê, thế chấp tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật trên nguyên tắc bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn. Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký. Các hợp đồng cho thuê, thế chấp tài sản có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất do Hội đồng quản trị quyết định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3686/2007/QĐ-BTC ngày 22/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

3. **Quản lý việc chào bán cổ phần riêng lẻ:** Ngày 04/01/2010, Chính phủ vừa ban hành Nghị định 01/2010/NĐ-CP quy định về hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ và xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ của các công ty cổ phần thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Đối tượng áp dụng của Nghị định này là các công ty cổ phần; các doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty cổ phần, ngoại trừ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Theo đó, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp tổ chức chào bán là tổ chức tín dụng), Bộ Tài Chính (trong trường hợp tổ chức chào bán là doanh nghiệp bảo hiểm cổ phần), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (trong trường hợp tổ chức chào bán là công ty cổ phần chứng khoán, công ty cổ phần quản lý quỹ, công ty đại chúng trừ các công ty đại chúng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tín dụng, bảo hiểm), Sở kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý KCN, KCX, KCNC, KKT (trong trường hợp tổ chức chào bán là các công ty cổ phần còn lại).

Để chào bán cổ phần riêng lẻ, chủ thể chào bán phải thuộc đối tượng được phép chào bán cổ phần riêng lẻ và phải đáp ứng các điều kiện: Có quyết định thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo Điều lệ công ty hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần); hoặc Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển thành công ty cổ phần); hoặc chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần) và gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến thực hiện việc chào bán, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25-2-2010.

4. **Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:** Ngày 15/1/2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, đối tượng công bố thông tin bao gồm: Công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và người có liên quan.

Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Các đối tượng công bố thông tin nêu trên (trừ cá nhân) phải lập trang thông tin điện tử (website) của mình với đầy đủ các chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, trang thông tin điện tử phải thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định tại Thông tư này. Các đối tượng khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK.

Đối với việc công bố báo cáo tài chính, tổ chức niêm yết phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán và báo cáo tài chính quý. Trong trường hợp lợi nhuận sau thuế của kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước, doanh nghiệp niêm yết phải giải trình (quy định trước đây là 5%). Ngoài ra, khi giá cổ phiếu niêm yết tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên, tổ chức niêm yết phải công bố các sự kiện liên quan có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ Tài chính về công bố thông tin thị trường chứng khoán.

ĐẦU TƯ

1. Hướng dẫn một số nội dung về đăng ký doanh nghiệp

Ngày 04/6/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 04/2010/TT- BKH, hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ; trình tự; thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Theo đó, người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền truy cập vào cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, điền đầy đủ và chính xác các thông tin theo yêu cầu. Hồ sơ đăng ký điện tử được gửi qua cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được coi là đã gửi thành công khi máy chủ của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nhận được. Doanh nghiệp có thể nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký, trả phí để nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ chuyển phát.

Những doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trước khi Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực không bắt buộc phải đổi sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Khi nộp hồ sơ thay đổi, doanh nghiệp phải nộp kèm bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho phòng đăng ký kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới.

Thông tin về đăng ký doanh nghiệp được công bố công khai, miễn phí trên cổng đăng ký kinh doanh quốc gia với 4 nội dung cơ bản: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật và ngành nghề kinh doanh. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp ngoài thông tin cơ bản nêu trên phải trả lệ phí, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2010 và thay thế Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006, Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH- BTC-BCA ngày 29/7/2008, Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009.

2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư

Ngày 04/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2010/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Chính phủ quy định không bán hồ sơ mời thầu cho nhà thầu hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào làm hạn chế nhà thầu mua hồ sơ mời thầu theo thời gian được xác định tại thông báo mời thầu, thư mời thầu; không phát hành hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào làm hạn chế việc phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu theo thời gian được xác định tại thông báo mời hồ sơ quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời chào hàng.

Tổ chức, cá nhân sẽ bị phạt tiền từ 18 đến 20 triệu đồng nếu vi phạm một trong các hành vi như sử dụng quyền, ảnh hưởng của mình buộc chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia đấu thầu, tư vấn đầu thầu, cơ quan, tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, đề xuất nhà thầu trúng thầu không phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá đã nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Bên cạnh việc chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc mà chưa được người quyết định đầu tư cho phép, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng; nhà thầu trúng thầu, tổ chức, cá nhân thuộc chủ đầu tư sử dụng người nước ngoài sẽ thực hiện hợp đồng khi người nước ngoài không đủ điều kiện làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với tổ chức, cá nhân đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được duyệt nhưng không làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ bị phạt tiền từ 5 đến 10 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/08/2010.

3. Ưu đãi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Ngày 04/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2010/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Những doanh nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc các dự án đặc biệt ưu đãi, ưu đãi và khuyến khích đầu tư, khi đầu tư vào địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường, quận thuộc thị xã, thành phố; thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hoặc nằm trong 28 ngành nghề quy định tại Nghị định, sẽ được hưởng các ưu đãi về đất đai và hỗ trợ đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền sử dụng đất nếu được nhà nước giao đất; được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động; nếu thuê của hộ gia đình, các nhân thì được nhà nước hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo khung giá quy định trong 5 năm đầu; được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất nếu nằm trong quy hoạch.

Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được giảm 70% tiền sử dụng đất; được áp mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất theo khung giá thuê đất của ủy ban nhân dân tỉnh quy định; được miễn tiền thuê trong 15 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động; được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất nếu nằm trong quy hoạch.

Về hỗ trợ đầu tư, doanh nghiệp kể trên còn được ngân sách hỗ trợ từ 50-100% kinh phí đào tạo nghề tùy theo quy mô doanh nghiệp; hỗ trợ tới 50% chi phí quảng cáo sản phẩm trên phương tiện thông tin đại chúng; tới 70% kinh phí triển lãm, hội chợ trong nước; giảm 50-100% phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại nhà nước.

Ngoài ra, các doanh nghiệp được miễn, giảm các chi phí về tư vấn nghiên cứu thị trường, pháp luật, chuyển giao công nghệ...; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới, sản xuất thử nghiệm; hỗ trợ một phần cước phí vận tải nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/07/2010.

4. **Ưu đãi đầu tư và thuế đối với đơn vị hành chính mới thành lập:** Ngày 19/5/2010, Chính phủ đã ban hành ND số 53/2010/NĐ-CP quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính. Theo ND này, trường hợp đơn vị hành chính mới thành lập đã được Chính phủ quy định cụ thể là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành đối với các loại địa bàn này. Trường hợp đơn vị hành chính mới thành lập do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nhưng chưa có quy định về ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì được áp dụng ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo đa số (trên 50%) của số đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng; trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được hưởng ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính dẫn đến điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức cao hơn (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) sang địa bàn có mức ưu đãi thấp hơn (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) hoặc ngược lại thì các đơn vị cấp xã bị điều chỉnh được hưởng ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với địa bàn nơi tiếp nhận đơn vị hành chính đó.

ND này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2010.

XÂY DỰNG

1. **Quy định mới về hợp đồng xây dựng:** Ngày 07/5/2010, Chính phủ ban hành ND số 48/2010/NĐ-CP. ND này quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên. Đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với các quy định tại ND này thì thực hiện theo các quy định của điều ước quốc tế đó.

Theo ND này, hợp đồng xây dựng được ký kết sau khi bên giao thầu hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu theo quy định và các bên tham gia đã kết thúc quá trình đàm phán hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Giá ký kết hợp đồng không vượt giá trúng thầu (đối với trường hợp đấu thầu), không vượt dự toán gói thầu được duyệt (đối với trường hợp chỉ định thầu). Trường hợp bổ sung khối lượng công việc hoặc số lượng thiết bị nằm ngoài khối lượng hồ sơ mời thầu dẫn đến giá ký kết hợp đồng vượt giá trúng thầu nhưng không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định; nếu làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định. Nếu trong một dự án, chủ đầu tư ký hợp đồng với nhiều nhà thầu để thực hiện các gói thầu khác nhau thì nội dung của các hợp đồng này phải thống nhất, đồng bộ về tiến độ, chất lượng trong quá trình thực hiện nội dung của từng hợp đồng, bảo đảm hiệu quả đầu tư chung của dự án. Trường hợp bên nhận thầu là liên danh các nhà thầu thì các thành viên trong liên danh phải có thỏa thuận liên danh, trong hợp đồng phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia liên danh. Trường hợp hợp đồng xây dựng có sự tham gia của phía nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng Anh; khi hợp đồng xây dựng được ký kết bằng hai ngôn ngữ thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng (nếu có).

ND này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2010. Kể từ ngày ND này có hiệu lực thi hành thì các quy định tại ND số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng hết hiệu lực thi hành

2. [Hướng dẫn thi hành Luật nhà ở](#): Ngày 23/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2010/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

Theo Nghị định, đối tượng được áp dụng là tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư phát triển nhà ở tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, sử dụng nhà ở và tham gia giao dịch về nhà ở tại Việt Nam; cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về lĩnh vực nhà ở; tổ chức, cá nhân không thuộc diện quy định trên nhưng có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực nhà ở.

Hộ gia đình, cá nhân chỉ được xây dựng trên diện tích đất đã có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không thuộc diện bị cấm xây dựng. Trước khi xây dựng nhà ở riêng lẻ, hộ gia đình, cá nhân phải làm thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ tại khu vực đô thị mà có tổng diện tích sàn xây dựng từ 250m² trở lên hoặc có chiều cao từ ba tầng trở lên (tính cả tầng hầm) thì hộ gia đình, cá nhân phải thuê nhà thầu có đủ năng lực về xây dựng thực hiện thi công.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở tại đô thị từ hai tầng trở lên mà tại mỗi tầng có từ 02 căn hộ trở lên được thiết kế, xây dựng theo kiểu khép kín thì diện tích sàn xây dựng mỗi căn hộ tối thiểu là 30m². Khi bán căn hộ thì hộ gia đình, cá nhân phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho người mua theo hình thức đất sử dụng chung.

Đối với dự án phát triển nhà ở đã được lập và trình phê duyệt theo quy định của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 6/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở nhưng Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hoặc huyện chưa phê duyệt hoặc trường hợp đã được phê duyệt (kể cả nhà ở được xây dựng trong khu đô thị mới) nhưng có đề nghị thay đổi một trong những nội dung của dự án phát triển nhà ở theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định này thì thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, chấp thuận đầu tư hoặc chấp thuận bổ sung nội dung dự án phát triển nhà ở (dự án phát triển khu nhà ở hoặc dự án phát triển nhà ở độc lập) theo quy định của nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2010, thay thế Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006.

3. [Miễn tiền sử dụng đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc](#)

Ngày 10/06/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 44/2010/QĐ- TTg, về miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.

Theo đó, Công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia theo Quyết định này bao gồm: diện tích đất xây dựng chỗ dừng xe, bãi đậu xe, trạm điện thoại dự phòng, nhà cung đường, trạm soát vé, nhà điều hành quản lý, trạm bảo dưỡng, sửa chữa xe, nhà vệ sinh.

Đối với phần diện tích đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê không sử dụng vào mục đích nêu trên thì phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất không được phép chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được miễn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; trường hợp không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích để xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia thì bị Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2010.

QUY ĐỊNH KHÁC

1. [Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực](#)

Ngày 15/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2010/NĐ-CP, quy định về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực.

Theo đó, Chính phủ bổ sung thêm 05 nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Vi phạm hoạt động phát điện; hoạt động truyền tải điện; hoạt động bán buôn, bán lẻ điện; vi phạm quy định về điều độ hệ thống điện và thị trường điện lực.

Các mức phạt cũng được tăng lên: mức phạt tiền tối đa từ 30 lên 40 triệu đồng; mức phạt thấp nhất cũng tăng từ 50 lên 500 nghìn đồng.

Cụ thể, hành vi gây hư hại, tự ý dịch chuyển, làm sai lệch hệ thống đo đếm điện, thiết bị điện và công trình điện của bên bán điện sẽ bị phạt từ 5 đến 7 triệu đồng (quy định cũ là 300 đến 700 nghìn đồng). Hành vi trộm cắp điện dưới mọi hình thức để phục vụ mục đích sinh hoạt, tùy vào số lượng điện trộm cắp mà mức phạt tiền áp dụng từ 1 - 30 triệu đồng; nếu trộm cắp điện để phục vụ mục đích khác thì mức phạt sẽ cao hơn, từ 5 - 40 triệu đồng.

Đối với đơn vị phân phối điện, sẽ bị phạt từ 3 - 4 triệu đồng nếu ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện không đúng nội dung đã thông báo (mức phạt cũ là 100-300 nghìn đồng); hoặc không tiến hành xử lý sự cố để khôi

phục việc cấp điện sau 2 giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của bên mua điện về sự cố lưới điện do bên bán điện quản lý mà không có lý do chính đáng (mức phạt cũ là 500 nghìn đồng - 1 triệu đồng).

Ngoài ra, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực cũng được mở rộng. Theo quy định cũ, người có thẩm quyền xử phạt là Chủ tịch UBND các cấp, Thanh tra Điện lực, chiến sỹ Cảnh sát nhân dân, Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Môi trường. Nay, bổ sung thêm Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực và Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2010 và thay thế Nghị định số 74/2003/NĐ-CP ngày 26/6/2003.

2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Ngày 03/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2010/NĐ-CP, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng sẽ bị xử phạt nghiêm khắc, mức phạt cao nhất đến 100 triệu đồng đối với những vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không như hãng hàng không vận chuyển hàng nguy hiểm mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận; hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không khi chưa được cấp quyền vận chuyển hoặc vi phạm quy định về điều kiện của quyền vận chuyển hàng không đã được cấp; mua, bán, chuyển nhượng quyền vận chuyển hàng không,...

Người khai thác tàu bay không tổ chức giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 30 đến 50 triệu đồng.

Hành khách nếu vi phạm trật tự, kỷ luật trong tàu bay; đe dọa nhân viên hàng không đang thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác; hoặc các hành vi đe dọa hành khách, thành viên tổ bay tại cảng hàng không, sân bay bị phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng.

Đặc biệt, hành vi đưa chất nổ, vật liệu nổ, chất phóng xạ, chất cháy vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trái quy định hoặc tung tin cũng như cung cấp thông tin sai về việc có bom, vật liệu nổ, chất nổ... có thể gây uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay sẽ bị phạt từ 20 đến 30 triệu đồng/hành vi.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/07/2010 và thay thế Nghị định số 91/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007.

3. Hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên gia nước ngoài

Ngày 28/5/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC, quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư này áp dụng đối với các chuyên gia nước ngoài được quy định tại khoản 5 Điều 3 Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg và chỉ áp dụng đối với các chuyên gia mà hợp đồng của họ có hiệu lực từ ngày 20/11/2009. Thông tư bao gồm các quy định về xác nhận và quản lý chuyên gia; thủ tục, hồ sơ miễn thuế thu nhập cá nhân và thời hạn giải quyết của cơ quan thuế; thủ tục hải quan...

Tùy từng trường hợp chuyên gia ký hợp đồng với chủ dự án hay với nhà thầu mà chủ dự án hoặc nhà thầu gửi hồ sơ đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia đến cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thuế xác nhận miễn thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/07/2010 và thay thế Thông tư số 02/2000/TT-BKH ngày 12/01/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 của Bộ Tài chính và Thông tư số 01/2001/TT-TCHQ ngày 09/02/2001 của Tổng cục Hải quan.

4. Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được

Ngày 28/05/2010, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 2840/QĐ-BCT về danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này gồm các thiết bị máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được và danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

Danh mục này làm căn cứ cho các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo thực hiện không khuyến khích nhập khẩu và hạn chế tiếp cận ngoại tệ. Đồng thời để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty nhà nước chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng trong các hoạt động đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo tinh thần Chỉ thị 494/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 20/4/2010.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

5. Thủ tục thôi việc đối với công chức:

Ngày 27/04/2010, Chính phủ đã ban hành ND số 46/2010/ND-CP, quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

Theo đó, có 2 trường hợp công chức được hưởng chế độ thôi việc. Trường hợp thứ nhất là theo nguyện vọng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý.

Trường hợp thứ 2 là do công chức có 2 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức.

Công chức thôi việc, cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 1 tháng lương hiện hưởng. Thời gian làm việc được tính trợ cấp là tổng thời gian tính theo năm có đóng bảo hiểm xã hội (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên. Nếu thời gian làm việc có tháng lẻ được tính bằng 1/2 năm làm việc nếu người đó đủ từ 3 đến đủ 6 tháng làm việc; từ trên 6 tháng đến 12 tháng thì được tính bằng 1 năm làm việc. Trường hợp dưới 3 tháng lẻ sẽ không được tính.

Các trường hợp không giải quyết thôi việc gồm: Công chức đang trong thời gian thực hiện việc luân chuyển, biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Công chức chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan khi được xét tuyển; Công chức chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan; Do yêu cầu công tác của cơ quan hoặc chưa bố trí được người thay thế.

Thời điểm nghỉ hưu đối với công chức là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; trường hợp trong hồ sơ của công chức không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm công chức đủ tuổi nghỉ hưu. Thời điểm nghỉ hưu của công chức được lùi theo một trong các trường hợp sau: không quá 01 tháng nếu thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán hoặc công chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con bị tử trần, bị tòa án tuyên bố mất tích hoặc bản thân và gia đình công chức bị thiệt hại do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; ...

ND này có hiệu lực thi hành kể từ 01/07/2010, thay thế quy định về thủ tục thôi việc, thủ tục thực hiện nghỉ hưu đối với công chức tại ND số 54/2005/ND-CP ngày 19/4/2005 và ND số 143/2007/ND-CP.

6. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản: Ngày 29/03/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2010/ND-CP, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Theo đó, mức phạt cao nhất có thể lên tới 40 triệu đồng đối với hành vi khai thác thủy sản trong danh mục cấm; nhập khẩu tàu cá khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu.

Hành vi thả các loài thủy sinh vật ngoại lai xâm hại vào vùng nước tự nhiên sẽ bị phạt từ 10 - 20 triệu đồng và phạt tới 30 triệu đồng khi thả vào vùng nước thuộc khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa.

Đối với hành vi thuê, mượn người khác đưa tạp chất vào thủy sản hoặc có hành vi tổ chức đưa tạp chất vào thủy sản, Nghị định quy định mức phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng. Ngoài ra, có thể còn bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở thu gom, bảo quản, chế biến thủy sản từ 6 - 12 tháng trong trường hợp cơ sở vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

Nếu tàu cá sử dụng, tàng trữ trái phép hóa chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản sẽ bị phạt từ 5 - 7 triệu đồng. Mức phạt lên tới 10 triệu dành cho tàu cá tàng trữ trái phép chất nổ, kíp nổ, dây cháy chậm. Hành vi sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản sẽ bị phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2010 và bãi bỏ Nghị định số 128/2005/ND-CP ngày 11/10/2005 và Nghị định số 154/2006/ND-CP ngày 25/12/2006.

7. Hỗ trợ, bồi thường và tái định cư dự án thủy điện, thủy lợi: Ngày 08/04/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg, ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Theo đó, đối tượng áp dụng là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng, thì diện tích đất để tính bồi thường được căn cứ vào biên bản xác nhận có chữ ký của chính quyền xã, Chủ tịch Ủy ban bồi thường giải phóng mặt bằng và chủ sử dụng đất.

Các đối tượng được hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ.. còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu hợp pháp tương đương chi phí xây dựng 5m2 sàn. Mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định.

Các nhân khẩu hợp pháp thuộc hộ bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất sản xuất phải di chuyển chỗ ở, được hỗ trợ lương thực trong thời gian 48 tháng với mức tiền tương đương 30kg gạo/khẩu/tháng.

Ngoài ra, các hộ trên còn được hưởng các hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ kinh phí một lần làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới với mức 300.000 đồng/hộ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/06/2010.

8. [Quy định về bán đấu giá tài sản](#): Ngày 04/03/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản.

Theo đó, việc bán đấu giá tài sản phải được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Mọi cuộc bán đấu giá đều phải do đấu giá viên điều hành theo đúng trình tự, thủ tục.

Đấu giá viên phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam có phẩm chất đạo đức tốt, đã tốt nghiệp đại học ngành luật hoặc ngành kinh tế; đã qua khóa đào tạo nghề đấu giá.

Người tham gia đấu giá tài sản phải nộp phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước tối thiểu là 1% và tối đa không quá 15% giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá. Nếu người tham gia mua được tài sản đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá mua; nếu không mua được thì khoản tiền đặt trước được trả lại cho người tham gia đấu giá. Trường hợp người tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng thì khoản tiền đặt trước thuộc về tổ chức bán đấu giá, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Tại cuộc bán đấu giá, người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá công bố người mua được tài sản thì cuộc bán đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trong trường hợp không có người trả giá tiếp thì cuộc đấu giá coi như không thành. Người rút lại giá đã trả bị mất quyền tham gia trả giá tiếp và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2010 và thay thế Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005.

9. [Quy định chi tiết trách nhiệm bồi thường Nhà nước](#): Ngày 03/03/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2010/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Theo đó, Nhà nước không bồi thường đối với thiệt hại xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù người thi hành công vụ đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nghị định quy định rõ, nếu người thi hành công vụ gây ra thiệt hại là cán bộ, công chức thuộc cấp Bộ, Tổng cục, Cục hoặc là thành viên UBND cấp tỉnh thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là cấp Bộ, Tổng cục, Cục và UBND cấp tỉnh đó. Trường hợp là thành viên UBND cấp huyện và do các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện trực tiếp quản lý thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là UBND cấp huyện. Đối với cấp xã, sẽ bồi thường khi người thi hành công vụ hoặc cán bộ, công chức cấp xã gây ra thiệt hại.

Trường hợp người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây ra thiệt hại nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải hoàn trả toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại nhưng tối đa không quá 36 tháng lương của người đó, tại thời điểm quyết định việc hoàn trả.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2010.

10. [Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp](#): ngày 01 tháng 02 năm 2010, Bộ KHĐT ban hành Thông tư số 04/2010/TT-BKH quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp. Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu đối với gói thầu xây lắp thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này khi áp dụng hình thức chỉ định thầu trong nước. Trường hợp chỉ định thầu nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu xây lắp thì có thể sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định tại Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp này cho phù hợp.

Phạm vi điều chỉnh của Thông tư là các gói thầu xây lắp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu, khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, Điều 101 của Luật Xây dựng, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng. Các gói thầu xây lắp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu và các gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Đối với các gói thầu xây lắp thuộc các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định về đấu thầu trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2010

11. [Quản lý thức ăn chăn nuôi:](#)

Ngày 05/02/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2010/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi.

Theo đó, tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi (TACN) có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam. Đồng thời phải chịu trách nhiệm thu hồi, xử lý hàng hóa TACN không đảm bảo chất lượng và đền bù thiệt hại cho người chăn nuôi. Nghị định nghiêm cấm sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại TACN không có trong Danh mục được phép lưu hành, hoặc sản xuất, nhập khẩu, tiếp thị TACN không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng tổ chức, cá nhân có những thông tin, quảng cáo sai sự thật về chất lượng, nguồn gốc và xuất xứ của TACN.

Để được sản xuất, kinh doanh TACN, tổ chức, cá nhân phải có Giấy đăng ký kinh doanh, có nhà xưởng, trang thiết bị và quy trình công nghệ sản xuất, gia công TACN bảo đảm tiêu chuẩn hiện hành. Cơ sở sản xuất phải có phòng phân tích kiểm nghiệm chất lượng TACN và có hệ thống xử lý chất thải để không gây ô nhiễm môi trường. Nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia trong quá trình sản xuất phải được đào tạo tối thiểu là trình độ trung cấp về chuyên ngành có liên quan trong công việc. Trong quá trình sản xuất, cơ sở phải ghi và lưu nhật ký sản xuất ít nhất là 3 năm. Kiểm nghiệm và lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm xuất xưởng. Bảo quản các mẫu lưu 1 năm kể từ khi hết hạn sử dụng sản phẩm. Để tránh hiểu lầm cho người chăn nuôi, bao bì, nhãn mác, tài liệu hướng dẫn kèm theo của sản phẩm phải hết sức rõ ràng, đúng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/03/2010 và thay thế Nghị định số 15/CP ngày 19/3/1996.

12. [Quy định mới về đối tượng công chức](#)

Ngày 25/01/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2010/NĐ-CP về quy định những người là công chức.

Theo đó, công chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh, trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc được đảm bảo từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Pháp luật, làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị định này.

Các nhóm đối tượng công chức bao gồm: công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; công chức trong Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước; công chức trong Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; công chức trong cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện; công chức trong hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; công chức trong cơ quan của tổ chức chính trị - xã hội; công chức trong cơ quan, đơn vị của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập thì công chức là những người giữ chức vụ Thứ trưởng và người giữ chức danh, chức vụ tương đương; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó và người làm việc trong văn phòng, vụ, thanh tra và tổ chức khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Tổng cục trưởng và tương đương, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng; người đứng đầu, cấp phó của họ và người làm việc trong các tổ chức không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2010

13. [Hướng dẫn thi hành Luật xuất bản](#)

Ngày 11/01/2010, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT, quy định chi tiết thi hành một số quy định của Luật Xuất bản ngày 03/12/2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ngày 03/06/2008, Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 và Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009.

Theo đó, các tác phẩm, tài liệu như Sách in, sách chữ nổi; sách đọc, nghe bằng thiết bị điện tử, thiết bị kỹ thuật số, trên mạng internet; Lịch tờ, lịch block, lịch túi, lịch sổ, lịch để bàn; Bảng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách... phải thực hiện thông qua nhà xuất bản. Nhà xuất bản thực hiện việc xuất bản trên mạng internet phải thiết lập trang thông tin điện tử (website) sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam - ".vn" hoặc có văn bản ủy quyền đăng tải xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phát hành xuất bản phẩm và website sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam - ".vn".

Ngoài ra, thông tư còn quy định về các nội dung như Điều kiện ký hợp đồng chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm; Điều kiện về thiết bị để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; Xuất bản phẩm không được chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài; Đăng ký và xác nhận đăng ký xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh; Hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh; Thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh; Thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm ...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2010 và thay thế Thông tư số 30/2006/TT-BVHTT ngày 22/02/2006, Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006.

PHẦN III. TỶ GIÁ THAM KHẢO TRONG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 07/2009 đến tháng 12/2009

Tháng 01/2010				Tháng 02/2010			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
02/01	17.941	18/01	17.941	01/02	17.941	26/02	18.544
04/01	17.941	22/01	17.941	10/02	17.941	27/02	18.544
08/01	17.941	25/01	17.941	11/02	18.544	28/02	18.544
11/01	17.941	29/01	17.941				
15/01	17.941	31/01	17.941				

Tháng 03/2010				Tháng 04/2010			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/03	18.544	26/03	18.544	01/4	18.544	20/04	18.544
10/03	18.544	27/03	18.544	03/4	18.544	26/04	18.544
11/03	18.544	28/03	18.544	06/4	18.544	27/04	18.544
15/03	15448.	30/03	18.544	10/04	18.544	28/04	18.544
				15/04	18.544	30/04	18.544

Tháng 08/2009				Tháng 07/2009			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
04/5	18.544	20/5	18.544	01/6	18.544	19/6	18.544
07/5	18.544	26/5	18.544	05/6	18.544	21/6	18.544
10/5	18.544	27/5	18.544	07/6	18.544	26/6	18.544
12/5	18.544	28/5	18.544	12/6	18.544	28/6	18.544
15/5	18.544	31/5	18.544	14/6	18.544	30/6	18.544

2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 30/06/2010

STT	Ngoại tệ	Tên ngoại tệ	Tỷ giá
1	EUR	Đồng Euro	22.959,33
2	JPY	Yên Nhật	204,12
3	GBP	Bảng Anh	27.459,96
4	CHF	Phơ răng Thụy Sĩ	16.683,76
5	AUD	Đô la Úc	16.055,40
6	CAD	Đô la Canada	18.023,13
7	SEK	Curon Thụy Điển	2.400,36
8	NOK	Curon Nauy	2.913,52
9	DKK	Curon Đan Mạch	3.087,01
10	RUB	Rúp Nga	599,35
11	NZD	Đô la Newzealand	13.032,72
12	HKD	Đô la Hồng Kông	2.381,31
13	SGD	Đô la Singapore	13.325,67
14	MYR	Ringít Malaysia	5.688,34
15	THB	Bath Thái	572,35
16	IDR	Rupiah Indônêsia	2,03
17	INR	Rupee Ấn độ	403,39
18	TWD	Đô la Đài Loan	575,63
19	CNY	Nhân dân tệ Trung Quốc	2.715,68
20	KHR	Riêl Cămpuchia	4,41
21	LAK	Kíp Lào	2,25
22	MOP	Pataca Macao	2.309,92
23	KRW	Won Hàn Quốc	15,37